

PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

QUYỂN 4

Tập này gồm có các các phần sau đây:

39. Thông minh (nói rõ) Tam tạng.
40. Mười hai phần giáo.
41. Luật phần năm bộ.
42. Luận mở tám nhóm.
43. Nêu pháp ba học.
44. Luận pháp sáu độ.
45. Giải thích mười hai chi.
46. Nói pháp bốn đế.
47. Ba nghĩa Chỉ quán.
48. Các pháp thiện hạnh.

39. THÔNG MINH (nói rõ) TAM TẠNG.

Một là Kinh tạng, hai là Luật tạng, ba là Luận tạng.

Kinh tạng thì an định nhân giả, hiểu rõ tánh tướng.

Luật tạng nêu phép tắc bốn oai nghi, nghiêm giữ ba nghiệp.

Luận tạng thì nghiên chân hiểu chánh, hặc nguy tội tà (bất tội nguy tà) đồng ra một âm khác theo bốn tất, dùng để hiển lý Viên minh mở cửa giải thoát. Do đó mà lập ra ba tạng giáo vậy.

Tu-đa-la (Sùtra), hoặc gọi tu-đơn-lam hay Tu-đổ-lộ. Tây Vực Ký gọi là Tố-đát-lãm. Xưa gọi là Tu-đa-la là sai. Hoặc nói không dịch vì gồm năm nghĩa. Chích Hoa nói: Nghĩa vị vô tận cho nên suốt phun (dũng tuyền) hay sanh diệu thiện, cho nên gọi xuất sanh, chỉ định tà chánh nên ví với thẳng mực (dây mực). Hay bày chánh lý nên gọi là hiển thị, xuyên suốt các pháp nên gọi là kết man. Vì gồm năm nghĩa đó nên không dịch. Hoặc nói có phiên dịch. Diệu Huyền nói có năm lời dịch: một là Kinh, hai là Luận, ba là Pháp bản, bốn là Tuyến, năm là Thiện ngữ giáo. Thiên Thai định rằng nay lại căn cứ vào một tên xem là dịch chánh, cũng chẳng khiến hai nhà oán nhau. Đó là gì, từ xưa nay

dịch Phạm ra Hán đều đề là kinh, nếu các thứ khác là dịch đúng sao không đổi là Tuyến khế. Nếu truyền dịch đều thế thì Kinh là chánh sáng nhất. Vì phương này giáo của Chu Khổng gọi là Ngũ kinh, cho nên dùng chữ Kinh đi dịch chữ Tu-đa-la. Song các sách đều đề tên Kinh, các Luận chỉ ra đều gọi Khế Kinh. Do gọi Khế lý, Khế cơ thì gọi là Khế Kinh vậy. Chích Hoa nói: Khế lý thì hợp với hai đế, Khế cơ thì hợp với ba căn. Kinh là dạy (huấn) thường dạy (huấn) pháp. Diệu Huyền nói: Thiên ma ngoại đạo chẳng thể đổi thay làm hoại nên gọi là Giáo thường chân chánh không tạp, không thể vượt qua nên gọi là Hành thường, trạm nhiên bất động quyết không đờng khác nên gọi là Lý thường. Lại huấn (dạy) pháp thì pháp có thể là khuôn phép, hành có thể là khuôn phép, lý có thể là khuôn phép. Phật Địa Luận nói: Kinh cơ nghĩa là quán nhiếp, có nghĩa là xuyên suốt mà biết, nhiếp từ các chúng sanh đã giáo hóa. Từ Ân nói là thường là pháp là nhiếp là quán. Thường thì đạo quý bách vương (đạo làm khuôn phép cho trăm vua), pháp thì đức mô vạn thặng (đức làm mô phạm cho vạn thặng). Nhiếp thì tập hợp diệu nghĩa, quán thì ngự bĩ dung sanh. Ngổ hầu khiến cùng thoát bến khổ, cùng về bờ giác.

Tỳ-nại-da (Vinaya), hoặc Tỳ-ni. Thập Sư nói: Tỳ-ni, Tần gọi là Thiện trị (khéo trị) nghĩa là tự trị dâm, nộ, si, cũng là trị các ác của chúng sanh (trị chúng sanh ác?). Viên Giác Sao nói: Đây gọi là điều phục, nghĩa là điều luyện ba nghiệp, chế phục lỗi lầm. Điều luyện thông với ngăn làm, chế phục thì chỉ là ngừng ác. Tự xử thuyên chi hạnh, chương danh điều phục chi tạng (nêu hạnh mà bày tên điều phục?). Tứ Giáo Nghĩa nói: Đây dịch là diệt, nghĩa là Phật nói giới làm không làm hay diệt các ác của thân, khẩu, ý, thế nên gọi là diệt. Viên Giác Lược Sao nói: Diệt có ba nghĩa: một là diệt nghiệp quấy, hai là diệt phiền não, ba là diệt được quả. Nam Sơn nói: Tỳ-ni, dịch là diệt, từ công năng mà đặt tên không phải là chánh dịch. Chánh dịch là luật. Luật là pháp, là từ giáo mà được tên, cắt đứt trọng khinh khai giá từ phạm phi pháp bất định. Tục có chón dòng, pháp ở dòng một. Cho nên luật pháp ở đời đều ước theo Hình khoa. Đạo cùng tục trái nhau nên Hình bèn gọi Dị (khác?). Đến như chỗ đoạn ắt phải y theo thường pháp. Cốc Hưởng nói: Lấy tên pháp luật phương này mà dịch chữ Nại-da, nước ấy. Luật là thuyên (nơi?) vậy, thuyên lượng nặng nhẹ phạm hay chẳng phạm v.v... Phong Tục Thông nói: Cao Đào Mô Ngu tạo luật, luật huấn (dạy) thuyên huân pháp. Thượng Thư Đại Truyện nói: Phi thiên chi Đại luật, chú nói phụng thiên chi đại pháp, pháp cũng là luật vậy, tên luật ở phương này bắt đầu từ vua Thuấn, Tiêu

Hà đời Hán lấy chín chương, dần dần phân nặng nhẹ tường tận. Tây Vực Ký nói: Tỳ-nại-da Tạng. Xưa gọi lầm là Ty-na-da.

A-tỳ-đàm (Abhidharma), hoặc gọi A-tỳ-đạt-ma, dịch là Vô tỷ pháp, nghĩa là Vô lậu pháp tuệ là hơn hết. Tứ Giáo Nghĩa nói: Vô tỷ pháp là Thánh nhân trí tuệ phân biệt pháp nghĩa. Mới gọi là A-tỳ-đạt-ma, dịch là Đối pháp. Đối có hai thứ: một là Đối hưởng, nghĩa là hưởng về Niết-bàn vì lấy nhân của Thừa thánh nhân vô lậu, mà cảm đến quả viên lực Niết-bàn; hai là Đối quán, đối quán bốn đế, nghĩa lấy tâm tịnh tuệ mà quán sát pháp bốn đế, nên gọi là đối. Pháp có hai thứ: một là Thánh nghĩa pháp, nghĩa là trạch diệt Niết-bàn v.v...; hai là Pháp tướng pháp, tức là thông bốn Thánh đế v.v...

Hỏi: Nếu theo nghĩa này thì hợp gọi là Đối pháp tạng, nay giấu tên Đối pháp, chỉ nói Tuệ biện là sao?

Đáp: Đây là tiếng tùy phương, tiếng Phạm là Ma-đát-ly-ca (Mātṛka), dịch là Bản mẫu. Bản mẫu hay sanh Diệu tuệ, Diệu tuệ nhân luận mà sanh, cho nên lần lượt dịch là Luận. Luận Du-già nói: Hỏi đáp quyết chọn (trạch) tánh tướng các pháp nên gọi là Luận. Trang Sư Truyện nói: Xưa gọi là Ưu-bà-đề-xá là sai, gọi đúng là Ổ-ba-đê-thước (Upadesa), Hậu Phần Kinh gọi là Ma-đạt-ma.

Cu-xá (Koza), hoặc gọi Tỳ-tra (Pitaka) hay Trích-ca (Tikà), dịch là Tạng, tức là nghĩa bao hàm nhiếp trì, không có tạng (kho) thì không thể cất chứa tiền của, không có tạng thì không thể chứa nhóm văn nghĩa. Nên Nhiếp Luận nói sao gọi là Tạng? Đáp: Do nó hay nhiếp, nghĩa là nhiếp tất cả nghĩa phải biết, khiến không phân tán nên gọi Tạng. Tứ giáo Nghĩa nói: Nay nói ba tên đều gồm tất cả văn lý nên gọi là Tạng. A-hàm tức Định tạng, Tỳ-ni tức giới tạng, A-tỳ-đàm tức Tuệ tạng. Nay hỏi kinh nói đấm trước ba tạng học Tiểu thừa, mà gọi ba tạng là đã thông Đại Tiểu hai giáo, vì sao Pháp Hoa phán là thuộc Tiểu thừa? Đáp rằng: Ba tạng thuộc Tiểu gồm có hai nghĩa: một là ba tạng tiểu thừa đều do Phật nói. Như Kinh Xuất Diệu nói: Phật ở Ba-la-nại trong vườn tiên nhân lộ đã bảo năm Tỳ-kheo rằng nguồn gốc khổ này vốn chưa nghe, vốn chưa thấy rộng nói pháp này là Khế kinh tạng. Khi Phật ở thành La-duyet, con của Ca-lan-đà tên là Tu-trần-na xuất gia học đạo đầu tiên phạm luật nên nói giới tạng. Phật ở Tỳ-xá-li thấy Bạc-kỳ-tử nhân duyên trước sau nên bảo các Tỳ-kheo rằng: Các người không có năm tâm sợ giận hận thì chẳng đọa ác thú, cũng lại không sanh vào địa ngục. Rộng nói như A-tỳ-đàm thì biết Tiểu thừa đều là Phật nói. Đây khác với Đại thừa Luận tạng thuộc các Bồ-tát tạo ra; hai là ba tạng Tiểu thừa bộ quyền

đều khác với Đại thừa Kinh luật, hai tạng lẫn lộn nhau nên Pháp Hoa phán là Tam tạng thuộc Tiểu thừa. Lại Đại Luận nói: Nơi nơi nói đều dùng (lấy?) Ma-ha-diễn bác pháp ba tạng không phải là Đại Bồ-tát. Các tiên đức vọng phá Thiên Thai lập giáo, đây là do lỗi không nghiên cứu các Kinh luật.

Hỏi: Pháp Hoa nói người học ba tạng Đại Luận sao nói khi Phật sống ở đời không có tên ba tạng?

Đáp: Phật diệt độ rồi A-nan mới kết tập tạng Tu-đa-la, Ưu-ba-ly hết tập tạng Tỳ-nại-da, Ca-diếp kết tập tạng A-tỳ-đàm thì Pháp Hoa bảo tiếng Phạm không có tên này. Phần nhiều dịch sư thêm tên ba tạng để hiển bày giáo Tiểu thừa. Như nay kinh từ các phẩm khác đều là người kiết tập đặt ra.

Hỏi: Nay nêu ba tạng là y vào Thuyên thứ (thuyên thứ = thứ tự của thuyên) nào?

Đáp: Tứ Giáo Nghĩa nói lúc nói không phải lúc làm. Thứ tự của giáo, A-hàm là trước. Trước của Tu hành thì Mộc-xoa là đầu. Nên Kinh Xuất Diệu bảo thứ lớp nói giáo trước kinh kế là luật sai mới đến luận. Tứ Giáo Nghĩa lấy luận ở giữa, vì muốn hiểu kinh phải do luận giải thích, nên trước kinh mà kế là luận. Song xem các văn trước sau không phải một cũng đều tùy người chẳng thể xác chấp (chấp chặt), nếu dùng nghĩa cục thì tự mâu thuẫn. Có người nêu bốn tạng thì Đại Luận gọi cái thứ tư là tạp tạng, hoặc nói có năm tạng, Tây Vực Ký nói bốn gọi là Tạp tạp tạng, năm gọi là Cấm chú tạng. Thượng tọa bộ chỉ nêu ba tạng, còn Đại chúng bộ thì có năm tạng. Lại Kinh Âm Nghĩa nêu có tám tạng: một là Thai hóa tạng, hai là Trung ấn tạng, ba là Ma-ha-diễn Phương đẳng tạng, bốn là Giới luật tạng, năm là Thập trụ Bồ-tát tạng, sáu là Tạp tạng, bảy là Kim cang tạng, tám là Phật tạng.

40. MƯỜI HAI PHẦN GIÁO.

Trộm nghĩ lý vượt bốn cú, giáo nhiếp các cơ tung hoa xỏ hoa khác nhau, ứng tụng có tụng riêng khác hoặc có thỉnh để diễn bày, hoặc không hỏi mà tự nói Bốn sự, Bốn sanh, nói lý luận dụ, lao lung vọng thức thống hội chân nguyên, bệnh có vạn thứ, thuốc không phải một. Cho nên giáo bộ phân ra mười hai phần. Phát Chẩn nói: Trường hàng trùng tụng và Thọ ký. Cô Khởi, không hỏi mà tự nói, nhân duyên thí dụ và Bốn sự. Bốn sanh phương quảng vị tăng hữu, luận nghĩa cùng thành mười hai tên. Rộng nêu trong Đại Luận ba mươi ba.

Tu-đa-la (Sutra), dịch là Kế kinh có chung có riêng. Chung thì

Tu-đa-la đều gọi Thánh giáo. Riêng thì Diệu Huyền nói: Nói thẳng pháp tướng là Tu-đa-la riêng như nói bốn đế v.v... Nói riêng thì Tập tập luận nói: Tức là Trường hàng chế tập lược nói nghĩa đáng (phải) nói.

Kỳ-dạ (Geya), đây gọi là Trùng tụng. diệu Huyền nói tức tụng lại Tu-đa-la đã nói trước đó. Cũng gọi là Ứng tụng, tụng lại trường hàng vậy.

Hòa-già-na (Vyākaraṇa), dịch là Thọ ký. Đạt-ma-uất-đa-la nói: Phật nói năng cũng gọi là Thọ, quả hẹn với tâm gọi là ký. Diệu Huyền nói: Nói chín đạo kiếp số sẽ được làm Phật. Thủ-lăng-nghiêm Kinh nói có bốn thứ ký: một là chưa phát tâm ký hoặc có lưu chuyển sáu đạo đến cõi nhân gian ưa thích Phật pháp quan ngàn vạn ức kiếp sẽ phát tâm qua trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp làm đạo Bồ-tát, cúng Phật độ người đều các kiếp như thế sẽ được Bồ-đề; hai là vừa phát tâm liền ký, người ấy lâu trông thiện căn ưa thích đại pháp, có từ bi, trụ địa Bất thối nên vừa phát tâm liền ký; ba là mật ký, có Bồ-tát chưa được ký mà làm sáu độ, công đức đầy đủ thiên long tám bộ đều nghĩ rằng: Bồ-tát này khi nào sẽ được Bồ-đề tên kiếp, tên nước và số đệ tử như thế nào. Phật đoạn dứt nghi này liền thọ ký cho cả chúng đều biết, riêng Bồ-tát chẳng biết; bốn là vô sanh hiện tiền lý, ở trong đại chúng hiện tiền được vô sanh hiển bày mà ký cho.

Già-đà (Gāthā), dịch là Cô khởi. Diệu Huyền nói chẳng trùng tụng thì gọi là Cô khởi. Cũng gọi là Phúng tụng. Tây Vực Ký nói: Xưa gọi là Kệ, là tiếng Phạm gọi tắt. Hoặc gọi Kệ-tha, là tiếng Phạm gọi sai. Nay gọi đúng là Già-đà. Đường gọi là Tụng.

Ưu-đà-na (Udāna), dịch là Vô vấn tự thuyết (không hỏi tự nói). Diệu Huyền nói: Như khi Phật ở Xá-bà-đề, thượng đường ở Tỳ-xá-khư, đi kinh hành nơi đất râm mát (âm địa?) tự nói Ưu-đà-na, gọi là vô ngã (không), vô ngã (không) sở, việc ấy lành thay!

Ni-đà-na (Nidāna), dịch là nhân duyên. Diệu Huyền nói: Trong Tu-đa-la có người hỏi nên vì nói việc ấy. Trong Tỳ-ni có người phạm việc ấy nên kết là giới. Tất cả lời Phật nói do việc mà khởi đều gọi là nhân duyên.

A-ba-đà-na (Avadāna), dịch là thí dụ. Chỉ Quán nói: Trăng ẩn trùng sơn gió quạt mà dụ, gió dứt thái hư động cây mà dạy.

Y-đế-mục-đa-già (Itivuttaka), dịch là Bản sự. Diệu Huyền nói đây là nói việc ấy. Như Phật đem việc vua Tịnh Phạn và năm trăm người về nước nói kệ ba nhân duyên.

Xà-đà-già (Jātaka), dịch là Bản sanh, đây là nói hạnh nhân của

Bồ-tát vốn từng làm việc ấy. Hiển Dương Luận nói: Bốn sư, là Như Lai nói việc đời trước của đệ tử Phật. bốn sanh là Như Lai nói các việc tu hành của Bồ-tát ở đời trước.

Tỳ-phật-lược (Vaipulya), dịch là Phương quảng. Diệu Huyền nói: Đây từ sở biểu mà làm tên. Lý phương quảng, chánh lý là phương, bao phủ là quảng.

A-phù-đạt-ma (Ađbhudharma), dịch là Vị tăng hữu. Diệu Huyền nói: Phật hiện các thứ thần lực chúng rất lạ lùng vì chưa từng có.

Ưu-bà-đề-xá (Upadeza), dịch là bèn phân biệt chỗ nói, dịch nghĩa là luận. Diệu Huyền nói: Đáp câu hỏi, giải thích nguyên do. Tây Vực Ký gọi Ổ-ba-đệ-thước. Xưa gọi sai là Ưu-bà-đề-xá. Nay hỏi như Pháp Hoa nói: Ở pháp chín bộ này, tùy thuận chúng sanh mà nói vào Đại thừa làm bản, vì sao nói tiểu giáo chỉ có chín bộ? Đáp: Đây lấy đại giáo mà hình như tiểu tông thì đoạt Tiểu thừa nghĩa chỉ có chín bộ. Nên Diệu Huyền nói Tiểu thừa hồi đoạn không có thân như ý châu nên không phải phương quảng. Tiểu thừa căn độn nói thì ắt phải nhờ duyên, không phải như trống trời tự kêu mà ít không hỏi tự nói. Tuy có thọ ký song ký làm Phật lại ít, riêng luận tuy không chung nói cũng có. Nên Diệu Huyền nói: Tiểu có nhờ trước sáu đạo nhân quả A-hàm cũng thọ ký Di-lặc làm Phật, cũng tự gọi lành thay. Không hỏi tự nói, Kinh Thanh Văn lấy pháp không làm đại không. Đây chính Tiểu thừa cũng thông mười hai bộ. Lại nữa, nếu lấy tiểu giáo mà hiển bày Đại thừa thì bày nghĩa Đại thừa thì bày nghĩa Đại thừa cũng chỉ chín bộ, vì không có ba bộ nhân duyên, thí dụ, luận nghĩa. Nên Diệu Huyền nói: Có người nói Đại thừa căn lợi không nhờ ba thứ này. Đây cũng là luận riêng. Nói chung Đại thừa sao được không có ba thứ này. Song mười hai phần kinh này xưa gọi là mười hai bộ. Diệu Huyền nói bộ riêng đều có loại theo. Mới dịch e lạt bộ quyển đổi tên làm phần. Hai giáo luận rằng cách ngôn “cùng lý tận tánh” ra đời nhập chân chi quý triệt. Luận về văn thì bộ phân ra mười hai, nói về chỉ thì bốn thứ tất-đàn, lý diệu vức trung không phải danh hiệu mà kịp được, hóa đàn hệ biểu lại không phải tình trí mà tìm được. Đến như để lụy quên nô m đào thần tận chiếu, gần thì vượt thoát sanh tử, xa thì chứng Niết-bàn, mở rộng năm thừa tiếp dấm quần cơ sâu cạn, nói rõ sáu đạo luận giới thiện ác thăng trầm. Quỳnh kỳ hện ra đời mà pháp không đâu chẳng đâu chẳng khắp. Gần thì so với Vương hóa mà sự không gì chẳng hết hay bác hay yếu, chẳng chất chẳng vắn. Tự thiên hạ không quá lo thì là ai có thể cùng giáo này.

A-hàm (Agama), gọi đúng là A-cấp-đa, đây dịch là Giáo diệu lạc

nói, dịch là Vô tử pháp tức là ngôn giáo. Duy Thức Luận nói tức là giáo của các Như Lai nói ra. Bài tựa Trường A-hàm nói: A-hàm thì Tần gọi là pháp qui, gọi đó là vực sâu của muôn pháp, vườn rừng của Tổng trì. Pháp Hoa luận giải về trí tuệ môn là nói nghĩa A-hàm rất sâu. Thiệp Pháp sư nói: A-hàm đây gọi là truyền, là nghĩa nói ra, ấy là hai giáo Đại Tiểu gọi chung là A-hàm mà trong đó Tiểu thừa riêng có bốn bộ: một là Tăng Nhất A-hàm nói nhân quả của trời, người; hai là Trường A-hàm là phá tà kiến; ba là Trung A-hàm là nói các nghĩa sâu xa; bốn là Tạp A-hàm là nói pháp thiên. Dùng bốn A-hàm này để Chuyển pháp luân, lập giáo làm đầu mà riêng được tên Tung bổ giáo biên. Do vị chung riêng còn do dự chưa quyết lời nó rất khéo (lời nó là nhánh)?

Thủ-lăng-nghiêm (Suraugama), Đại Luận nói: Tần gọi là Kiện tướng, là phân biệt biết các Tam-muội hành tướng nhiều ít cạn sâu, như vị đại tướng biết sức binh lính mình nhiều ít vậy. Bồ-tát được Tam-muội ấy thì các ma phiền não và người ma không thể phá hoại. Ví như Chuyển luân thánh vương chủ binh bảo tướng chỗ ở chỗ đến đều không ai phục kích phá hoại được nên gọi là kiện tướng Tam-muội. Đại Kinh nói: Thủ-lăng là tất cả việc đã xong, nghiêm là bền chắc, tất cả rốt ráo mà được bền chắc nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Thế nên Thủ-lăng-nghiêm định gọi là Phật tánh, Từ Ân dịch là Kim cang tạng, vì các Bồ-tát chứng định này nên lấy đó làm tên.

Lăng-già (Laukavatara), gọi đúng là Lăng-ca. Phật ở bến Nam Hải vào nước Lăng-già, dịch là Bất khả vãng (không thể đến), chỉ có người thần thông mới đến được A-bạt-đa-la, dịch là vào, tức là vào núi này mà nói báu này. Hoặc dịch là Vô thượng, nghĩa là các kinh pháp là báu Vô thượng.

Tát-đạt-ma-phân-đà-lị (Saddharpumdarika), dịch là Diệu pháp liên hoa. Thiên Thai nói: Diệu là nói bất khả tư nghì, pháp là pháp quyền thật mười giới mười như. Liên hoa là dụ pháp quyền thật. Từ Ân nói: Thao Hoằng cang chi cực sướng, tinh nhất bộ chi tô danh pháp gồm quý trì quan quần tướng dĩ xứng diệu. Hoa gồm đẹp phát chung các tốt mà bày sen.

Bát (ban?)-chu (Pratyutpannabuddhasammukhàvaothitasamàdhi), đây dịch là Phật lập, cũng gọi là kinh mười phương hiện tại Phật đều đứng trước định. Kinh nói trì oai thần Phật ở trong Tam-muội mà đứng. Có ba việc: trì sức oai thần của Phật, trì sức Tam-muội của Phật, trì sức bốn công đức. Dụng ba việc này nên được thấy Phật.

Ma-ha-đản-trì (Mahatruṭra), Chỉ Quán dịch là Đại bí yếu, là bí

ýêu ngăn án làm thiện. Chỉ là thật tướng. Phụ Hành nói: Hiển không thiên tiểu nên gọi là Đại. Tất cả pháp tức một pháp nên gọi là Bí, một pháp nhiếp tất cả pháp nên gọi là yếu.

Vu-lan-bồn (Avalaṅbana), Vu lan là tiếng Tây Vực, dịch là đảo huyền (treo ngược). Bồn là đồ đựng cơm ở phương này. Tam Tạng nói bồn bày trăm vị xin dâng Tam tôn ngưỡng mong ân quang đại chúng cứu gấp tội bị treo ngược, nghĩa là đồ đựng cứu tội treo ngược. Ứng Pháp sư nói: Vu lan là nói sai, gọi đúng là Ô-lam-bà-noa, dịch là Cứu đảo huyền.

Tu-bạt-noa-bà-phả-bà-uất-đa-ma (Suranaprabhāsottama), dịch là Minh. Thiên Thai nói: Pháp của pháp tánh đáng tôn đáng quý, gọi pháp tánh là kim. Pháp tánh này tịch mà thường chiếu, gọi là quang. Pháp tánh đại bi này hay có nhiều lợi ích nên gọi là Minh. Ba chữ này Huyền Nghĩa riêng giải thích bèn lập năm khoa, văn tuy sáng tỏ tự người còn mê. Hoặc nói từ pháp mà lập tên, hoặc nói riêng thí dụ làm tên, hoặc văn nghĩa đều dùng vì muốn lợi độn đều cứu giúp. Cung thương cùng tấu, đơn tố đều bày, nếu lầm khác mỗi ai có thể nhất quán tô nhân diễn giảng bèn vội luận bàn, xem tên ý (chỉ) này y văn chánh ý, chỉ ở tại pháp còn tên chỉ là một bên. Nay nói về dụ chỗ gọi Phật vào thiên-na diệu kế nguyên tịch, bèn nói chân hiệu để đến lợi cơ muốn khiến an trụ trong ấy. Cho nên từ đương thể mà lập tên gọi ấy là y văn. Chỉ ở tại pháp, tuy nghĩa nêu thí dụ không phải một văn mà danh thông thể tượng giống như cùng dụ giống nhau không ngại độn căn mà làm thí giải (thí dụ để giải thích?). Cho nên ở tên mà thông với dụ, tuy lợi độn gồm nhiếp, pháp dụ đều thông là nguyên ý của Phật, là ý chỉ của văn, bày thứ lập tên sẽ là đơn pháp.

Hỏi: Sư Huyền Lục Cứ Huyền Nghĩa nói: Nếu người lợi căn tức pháp làm dụ, đã nói làm dụ há là đơn pháp, một nạn (hỏi) lớn này chống mà thông được ư?

Đáp rằng: Người độn căn dùng Kim quang minh là hiệu vật tượng (tên các vật?) người lợi căn dùng Kim quang minh làm tên pháp tánh. Đây là dung hiển thể, kim bảo là chân như bèn biết toàn tánh thành tướng, chân như là kim bảo, nên nói tức pháp làm dụ. Đã hiểu? Tức pháp làm dụ thì hiểu toàn sự là lý, do đó lợi người này không cần thí dụ. Nên Diệu Huyền nói: Lợi căn liền gọi hiệu lý không nhờ thí dụ chỉ làm Pháp Hoa mà hiểu. Ý này sâu kín theo lời sao hiểu.

Hỏi: Gần đây các bậc thầy giải đề kinh này phân văn nghĩa làm hai đường, định pháp dụ có hai hướng, người đã đều chịu sao riêng

không theo?

Đáp: Văn là năng hiển nghĩa là sở thuyên, văn năng thuyên ắt mời nghĩa sở thuyên, nghĩa sở thuyên ắt ứng với văn năng thuyên. Nay nếu chống phân chia thì thành nước và lửa, tôi không dùng là do lỗi này.

Hỏi: Bạc tiên đặt lập nghĩa tùy cơ để bày tên này đợi người hỏi pháp hay dụ ư? Phải nói rằng là hỏi Lợi căn hay Độn căn. Nếu hỏi Lợi căn thì tức là Đơn pháp, nếu hỏi Độn căn thì tức là Đơn thí. Nghĩa này thông các phương đâu cần giải thích lại?

Đáp: Tùy cơ tùy như thế, song Phật gọi tên này là y pháp mà lập, làm dụ mà tỏ bày, thì chỉ mong đáp câu hỏi dọc ngang chẳng đoái hoài thích danh lẫn lộn.

Hỏi: Tứ Minh Ký Văn nói: Cứ theo kinh định tên lời theo pháp mà lập kịp thích nghĩa rằng nó đủ cho hai căn. Tịnh Giác nói: Tự lời trái nhau, trước sau mâu thuẫn chưa biết chệch đây nghĩa thật như thế ư?

Đáp rằng: Đây không phải thế sao nói từ pháp mà lập, là chánh ý y văn vậy. Nói đủ cả hai căn là từ tên bàn thông vậy. Chỉ vì tên và ý đều gồm bèn thích nghĩa thông phương. Nếu có từ vết chỉ là chẳng hợp rằng Thuận Cổ làm dụ, chẳng biết dụ ấy sanh ra từ tên kinh, do vội bày cái thấy hẹp, thô nói đại cương muốn lấp cái nhỏ của trần vụ mà lợi ích cho cái rộng của núi biển bèn phụ ghi vào đây hầu lưu bố khắp bốn phương nhờ người xem mà lấp tình đời.

Lâu-thán (Loka hànư?), dịch là thành bại.

41. LUẬT PHÂN NĂM BỘ.

Thế Tôn thành đạo rồi năm 88 tuổi đến thành Vương-xá nước vua khát thực khiến La Vân rửa bát lờ tay bể thành năm mảnh. Hôm ấy có nhiều Tỳ-kheo đều bạch Phật rằng: Bát bể năm mảnh. Phật nói bát bể biểu thị rằng ta diệt độ rồi năm trăm năm đầu các ác Tỳ-kheo chia Tỳ-ni tạng ra làm năm bộ. Cho nên Ca-diếp, A-nan, Mạt-điền-hòa, Tu-cúc-đa năm sư thế (hiếu) đạo quyền thông nên chẳng phân chia giáo. Các đa có năm đệ tử đều chấp chặt một thấy bèn phân Đại Luận Tạng của Như Lai ra làm năm bộ.

Đàm-vô-đức (Dharmagupta), cũng gọi là Đàm-ma-cúc-đa, dịch là pháp mật, là che đậy nghĩa kín. Lại dịch là pháp tạng. Đại Tập nói: Ta Niết-bàn rồi, các đệ tử của ta thọ trì mười hai bộ kinh của Như Lai chép viết tụng đọc diên đảo tuyên nói. Vì nói ngược (dùng đảo thuyết) mà che giấu pháp tạng người gọi là Đàm-ma-cúc-đa, pháp danh là Tứ Phần, trời gọi là Chiết-đỏa-lý.

Tát-bà-đa (Sarvāstika), dịch là Nhất thiết hữu. Bộ này kể ba đời có thật ba tánh đều được thọ giới. Đại Tập nói: Mà lại đọc tụng viết chép ngoại điển, chịu có ba đời và dùng nội ngoại mà phá hoại ngoại đạo, khéo luận nghĩa nói tất cả tánh đều được thọ giới, phàm có vấn nạn đều đáp thông suốt, thế nên gọi là Tát-bà-đa, pháp danh Thất Tụng.

Ca-diếp-di (Kāśyapī), dịch là Trọng không quán. Đại Tập nói: Nói không có ngã cho đến thọ giả, chuyển các phiền não cũng như thầy chết thế nên gọi là Ca-diếp-di, pháp danh là Giải Thoát. Đây có giới bản tướng đồng Ngũ phần.

Di-sa-tắc (Mahīśāsaka), dịch là Bất trước hữu vô quán. Đại Tập nói: Chẳng làm tướng đất, tướng nước gió lửa hư không, tướng thức, gọi là Di-sa-tắc, pháp danh là Ngũ Phần.

Bà-sai-phú-la (Vātsīpūtrīya), dịch là Tử (con?). thời thượng cổ có tiên nhiệm trâu nghé làm con từ sau đó dòng họ đều gọi độc tử. Bộ này kể có ngã không phải là uẩn cũng không lìa uẩn, mà có thật ngã. Luật Bản không đến Trung Quốc. Đại Tập nói: Đều nói có ngã chẳng nói tướng không cũng như trẻ con, nên gọi là Bà-sai-phú-la.

Ma-ha-tăng-kỳ (Mahāsaṅghika), dịch là Đại chúng. Đại Tập nói: Rộng xem khắp năm bộ kinh sách, nên gọi là Ma-ha-tăng-kỳ. Đây có luật bản. Trước Sở rằng: Chung riêng sáu bộ, tăng-kỳ này hạnh giải hư thông chẳng sanh thiên chấp (chấp riêng) khắp thuận năm kiến, vì thông hạnh cho nên biết là chung. Kinh Di Giáo Tam-muội quyển hạ nói: Khi Phật còn ở đời, chúng tăng chỉ mê đắm áo người chết nhân đó có La-tuần-du đi khát thực mà trở về không. Phật biết hạnh xưa bèn khiến chúng tăng phân luận làm năm bộ, sắc phục cũng năm thứ, khiến mỗi ngày theo một bộ mà đi, bèn chế nghi tắc đều cử người trưởng bộ tên gọi theo sắc phục. Bộ Đàm-vô-khuất-đa-ca thông suốt lý vị, dẫn dắt lợi ích mọi người, biểu phát thù thắng đáng mặc y màu đỏ không phải là đỏ của phương Nam. Bộ Tát-bà-đa bát thông mãn đạt dẫn dắt hóa độ đáng mặc áo màu đen, không phải đen của phương Bắc. Bộ Ca-diếp-di tinh cần đồng mãnh quyết nhiếp chúng sanh, đáng mặc áo màu mộc lan. Bộ Di-sa-tắc nghĩ vào huyền vi hiểu rõ kín sâu nên mặc áo màu xanh không phải màu xanh của phương Đông. Bộ Ma-ha-tăng-kỳ siêng học các kinh tuyên giảng chân nghĩa, trong chỗ ở nên mặc áo màu vàng, không phải sắc ở tương giữa từ đó về sau liền được nhiều thức ăn, năm sắc áo này dùng để bày tướng năm bộ.

42. LUẬN MỞ TÁM NHÓM.

Kiền-độ (Khauda), gọi đúng là Bà-kiện-đồ, dịch là Pháp tụ, như tám Kiền-độ lấy phân một bộ làm tám nhóm, lấy pháp tụ có khí loại theo nhau làm một đoạn, một là nghiệp Kiền-độ nói về ba nghiệp, hai là sử Kiền-độ, nói về một trăm lễ tám phiền não, ba là trí minh mười trí, bốn là định, nói về tám định, năm là căn, nói về căn tánh, sáu là đại, nói về bốn đại, bảy là kiến là phá sáu mươi hai kiến, tám là tạp là pháp Tiểu thừa.

Đại Luận hỏi: Tám Kiền-độ ai tạo ra sáu lần A-tỳ-đàm từ đâu sinh ra?

Đáp: Khi Phật còn thì không lỗi, sau khi Phật diệt độ một trăm năm thì vua A-luân-kha hội các luận sư nhân đó sanh bộ khác. Có kẻ lợi căn đọc hết ba tạng muốn hiểu (giải?) (mở, chia?) kinh Phật làm tám Kiền-độ. Sau các đệ tử vì người sau chẳng thể toàn hiểu bèn tóm tắt Tỳ-đàm người tạo ra đầu tiên tức là Ca-chiên-diên.

Du-già-sư-địa (Yogàcàryabhùmi), dịch là Tương ứng, nghĩa là tất cả thừa cảnh hạnh quả v.v... chỗ có các pháp đều gọi là tương ứng. Sư là ba thừa hành giả do văn tư tu thứ lớp tu hành như thế là Du-già mười bảy địa.

Tỳ-bà-sa (Vibhàsa), dịch là Quảng giải, gọi đúng là Tỳ-bà-sa, dịch là Chung chung thuyết, lại gọi là Phần phần thuyết, gồm có ba nghĩa là Quảng thuyết, Thắng thuyết, Dị thuyết.

Côn (tỳ?)-lặc, dịch là Khiếp tạng. Đại Luận nói: Côn-lặc có ba trăm mười vạn lời. Khi Phật còn ở đời do ngài Đại Ca-chiên-diên tạo ra. Phật diệt độ rồi tuổi thọ người càng giảm, sức nhớ kém chẳng thể rộng tụng. các người đắc đạo tuyển ra ba mươi tám vạn bốn ngàn (384.000) lời. Luận chưa đến cõi này.

Tỳ-bà-xà-bà-đề, dịch là Phân biệt luận.

Dục-đa-bà-đề, dịch là Tương ứng luận.

Ma-đắc-lặc-già (Màtrka), dịch là Trí mẫn, vì nó sanh trí. Bồ-tát vào Tam-muội này làm luận bày kinh. Nho gia (nhà Nho) lấy chiết lý tình vi gọi là luận. Thích thị (nhà Phật) luận thông tông chỉ gồm sáu các thuyết lập làm mười chi: Một là chi lược bày danh số tức là Bách pháp luận. Hai là chi thô thích thể nghĩa tức là Ngũ uẩn luận. Hai luận này do ngài Thiên Thân tạo ra. Ba là chi bao gồm các chúng (tổng bao chúng) nghĩa tức là Hiển dương luận. Bốn là chi tổng nhiếp Đại thừa nghĩa tức là Nhiếp Đại thừa luận, đều do ngài Vô Trước tạo ra. Năm là chi phân biệt danh số tức Tạp tập luận. Sáu là chi ly tích xứ trung tức

là Biện trung biên luận. Bảy là cho tồi pháp tà sơn tức là Nhị thập duy thức luận. Chín là chi pháp tràng tức là Tam thập duy thức luận. Chín là chi trang nghiêm thể nghĩa tức là Đại trang nghiêm luận. Mười là chi nhiếp qui quán tức là Du-già luận. Mười nghĩa này sơ lược các luận đều có lưu loại đoán ra có thể thấy. Đó là Tông cực dứt hết nói năng. Hiền thánh cho là trùng mặc, Huyền Chỉ không lời nào chẳng truyền (không nói chẳng truyền?). thích-ca cho là chỉ giáo, đề phòng thân khẩu mà làm luật cấm nói Khế Kinh mà dắt dẫn thiện ác, diễn nói sâu kín luận các pháp tướng. Đây tức là nói ba học: Giới, Định, Tuệ vậy.

43. NÊU PHÁP BA HỌC.

An Pháp sư nói: Thế Tôn lập giáo pháp có ba: một là Giới luật, hai là Thiền định, ba là Trí tuệ. Ba thứ này là cửa vào chí đạo, là quan yếu của Nê-hoàn. Giới là tướng dữ dứt ba ác, Thiền là lợi khí dứt phân tán, Tuệ là thuốc hay cứu bệnh. Nay nói phòng quấy ngăn ác gọi là Giới, dứt duyên Lự Tịnh gọi là định, phá hoặc chứng chân gọi là Tuệ. Thập Pháp sư nói: Trì giới thì hay chiết phục được phiền não khiến nó yếu kém. Thiền định thì ngăn được phiền não như đá núi ngăn dòng. Trí tuệ thì diệt hết phiền não rốt ráo không sót. Nên Di Giáo nói: Y nhân giới này sanh các Thiền định và Trí tuệ diệt khổ. Nam Sơn nói: Việc thân khẩu phát ra dùng Giới mà đề phòng, ba độc nổi lên dùng tâm mà khiến. Nay trước dùng Tuệ mà giết đi. Lý nó như thế xin nói với các người học, do đó mà sơ thần đạt tư di tình tự tánh là việc trên hết của thánh nhân. Học cũng như dời mài, nếu đồ mà không dời mài thì không đẹp, người không học thì không do đâu mà có y đức. Phàm học ngày càng ích, đạo ngày càng tổn, nếu càng tổn thì đạo nghiệp càng cao, nếu càng ích thì công học càng vượt xa, cho nên hình tướng tục nhân như vĩnh cách (cách hẳn hình tướng người học?) tâm cùng tình đời trái ngược nhau, mặc chỉ ba y, ăn không hai bữa, theo thầy thì ngàn dặm theo hầu, mộ pháp thì sáu thời siêng gắng, sạch lo nghĩ ở ao tám giải, thăm vui ở vườn bảy hoa. Đến như Đại An, Đạo Dục, Tuệ Viễn, Tuệ Trì, Xích Tý pháp chủ, Thành Nhân luật sư truyền kinh biện luận giảng dịch đàn thi khai thần duyệt nhã đẹp bỏ nghi trệ bày tên đời sau đàn thiệp đương thời, hoặc cùng Tần Vương ngồi xe, chợt cùng Tấn Đế đồng trường, bèn khiến Hoàng Huyền lạ không ngừng Hy Triệu, ngàn đấu mà không lời. Ông (như thế) hành nhân đã chánh mới hưởng vui khác, bốn phạm cùng đón sáu trời cùng sinh. Phong cơ hiệu mẫu quốc thổ hoa tranh cây ngọc cành quỳnh sen vàng cán ngọc, gió mang vạn phạm suốt tuôn vịnh nhã, ao

sáng như bạc, đất bằng như gương, diêu hương ngào ngạt, danh hoa giao chiếu, gần thì cảm thân vui, xa thì luôn sống mãi. Đó là nhân tu học ba pháp thân trước ba theo nhân mà hiển đức, sau hai từ quả mà bày năng. Tận chí chánh tập đều đoạn gọi là thân giải thoát, vô sanh trí rõ rõ giác chiếu gọi là Tri kiến. Nếu muốn chánh luận ba học thì phải dùng bảy khoa đạo phẩm điểm qui ba pháp, rộng thì ba mươi bảy phẩm, lược thì chỉ Giới, Định, Tuệ ba thứ. Phải biết sáu độ đều nêu chung, ba học là riêng nói mà xếp loại vào bốn thiên tám định vậy. Vì Bồ-tát gặp ở hóa tha, nên sáu độ thân thí nhân tiến, do Thanh văn cầu tự độ mà ba học chỉ là Giới, Định, Tuệ. Cho nên Đại Luận lấy sáu độ cho sáu độ là lược nói, cho ba mươi bảy phẩm là rộng nói. Để hiểu sáu Ba-la-mật kể hiểu học nên đứng lý mà nghĩ suy.

Ba-la-đề-mộc-xoa (Pratimoksa), Giới Lưu nói dịch là giải thoát. Như luận đã dẫn Đạo Giới gọi là giải thoát. Sự Giới gọi là Biệt thoát. Tùy phần quả đức nhờ đó mà sáng. Đạo tánh hư thông cử pháp loại dị chẳng theo duyên khác, chỉ (nhưng) gọi giải thoát sự giới không phải thế, duyên khác mà sanh, duyên thông vạn cảnh làm cũng theo khắp, cứ lạnh mà lãng phạm tức gọi được thoát các thứ khác không phải, chưa làm chẳng gọi là giải thoát. Lại luật nói mộc-xoa là giới, cứ vào đây thì được quả, dùng chỉ bốn nhân nhân thật là giới không phải là mộc-xoa. Cho nên kinh nói: Giới là gốc chánh thuận giải thoát, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, biết đó là quả cho nên Ngũ phần nói là phân biệt danh cú. Ba-la-đề-mộc-xoa là nếu quả chỉ giáo. Ký nói: Đạo giới gọi là giải thoát tức là bảy chi vô biểu tự, do đoạn hoặc mà được tên. Nếu giới sự gọi là giải thoát thì tăng ni thọ giới, tùy sự (việc) đối sát chẳng làm thì biệt biệt vô nhân, biệt biệt vô quả nên gọi là biệt biệt giải thoát. Chích Hoa nói: Đây dịch là Biệt giải thoát, nghĩa là ba nghiệp bảy chi đều phòng quấy, vì biệt biệt giải thoát vậy.

Tam-muội (Samàdhi), dịch lá điều trực định, lại gọi Chánh định, cũng gọi là Chánh thọ. Khuê Phong Sở nói: Chẳng thọ các thọ gọi là Chánh thọ. Viễn Pháp sư nói: Phạm gọi Tam-muội sao gọi là chuyên tư tịch tưởng tư chuyên thì chí một chẳng phân, tưởng tịch thì khí hư thần lãng (khí thần rỗng sáng). Khí hư thì trí điềm (lặng yên?) kỳ chiếu, thần lãng thì không kín nào chẳng hiểu suốt, hai thứ này chính là huyền phù tự nhiên dùng một mà chí dụng. Thế nên tinh cung bế vũ mà cảm vật thông linh, chế ngự tâm chỉ chánh, động thì liền vào vi. Đây là nhờ tu để ngưng thần, tích (chứa?) công để tích tánh v.v... Lạc các Tam-muội danh chất rất nhiều công cao dễ tiến niệm (nhớ?) Phật làm đầu. Cho

nên Thiên Thai Chỉ Quán lược nói bốn thứ: một là thường ngồi, hai là thường đi, ba là nửa đi nửa ngồi, bốn là không đi không ngồi.

1. Thường ngồi, là trích từ Văn-thù nói, Văn-thù hỏi hai Bát-nhã gọi là Nhất Hạnh Tam-muội, thân cho luôn ngồi mà cấm đi, đứng, nằm. Hoặc có thể trong chúng mà riêng ở một chỗ là tốt nhất (di thiện?) ở trong một tịnh thất, ngồi trên một giường dây, chín mươi ngày một hạn định mà kiết già ngồi ngay.

2. Thường đi, trích trong Bát Chu Tam-muội, chỉ chuyên đi quanh chín mươi ngày làm hện.

3. Nửa đi nửa ngồi, Phương Đăng nói đi vòng một trăm hai mươi vòng mới ngồi tư duy. Pháp Hoa nói: Người này hoặc đo hoặc đứng đọc tụng kinh này người ấy hoặc ngồi tư duy (suy nghĩ) kinh này.

4. Không đi không ngồi, là chung cả đi ngồi. Nam Nhạc gọi là tùy ý mình.

Đây là bốn: 1- Ước các kinh, 2- Ước các thiện, 3- Ước các ác, 4- Ước vô ký. Phụ Hành nói: Chỗ nói luôn ngồi cho đến không đi không ngồi là ước thân nghi làm tên. Nếu theo pháp là mtên thì thường ngồi gọi là Nhất hạnh (?), thường đi gọi Phật đứng. Nửa đi nửa ngồi gọi Phương đăng Pháp Hoa, không đi không ngồi gọi là tùy ý mình. Song bốn thứ Tam-muội này trước thấu suốt sự lý hai quán, phân ra bốn Tam-muội nghĩa cũng khác nhau. Tứ Minh Pháp sư nhân trình lên Tiền Thanh sư gọi là Quang minh huyền thập chủng (mười thứ) ba pháp thuần nói lý quánm chẳng cần nương sự mà quán Pháp trí phá rằng Kinh Khê nói như thường ngồi hoặc chỉ quán lý, tùy theo ý mình là theo ngọn theo sự. Đã nói thuần nói lý quán chính là ba thứ Tam-muội. Chuyên khiến thức ấm tu mười thừa. Văn này thì nêu rõ ngài Tứ Minh lấy ba thứ Tam-muội trên làm lý quán, lại chỉ yếu rằng trong theo ý mình là tu Duy thức quán. Quán nơi khởi tâm, tức ước với biến tạo sự dụng mà nói. Văn này thì ngài Tứ Minh dùng Tam-muội thứ bốn mà tu sự quán.

Hỏi: Chuẩn theo Diệu Tông nói: Một thứ thường ngồi đầu quán (thẳng ???) lý, còn ba thứ Tam-muội kia há chẳng gồm sự, căn cứ vào đây thì rõ ràng ngài Tứ Minh lấy ba thứ Tam-muội kia mà tu sự quán chẳng? Nay nói văn này này không phải là chánh phần chiêm-sát sự lý hai quán. Bởi vì ngài Cô Sơn định nghĩa nêu ba quán pháp đều là lý quán, mười sáu pháp chính là sự quán, bèn chẳng dùng nghĩa nếu ba thứ mà thấu mười sáu quán. Ngài Tứ Minh bèn ước bốn thứ Tam-muội đều trái sự mà quán lý ba để bèn hiển từ đi trong quán còn có tướng trái sự, đây không phải là chiêm-sát sự quán.

Hỏi: Như Diệu Tông nói: Nếu thường ngồi v.v... ở ngay sự ba đạo mà quán ba đế chẳng gồm tu thiện mà buông lung việc ác (dẫu là sự ác), cho nên nhận tên là lý. Cứ theo đây thì không hiển Tứ Minh chỉ cho thường ngồi là quán lý ư?

Đáp: Nay nói ba thứ Tam-muội kia trải sự ngoại cảnh nên nhận tên sự. Thường ngồi Tam-muội chỉ quán nội tâm nên nhận tên lý.

Hỏi: Tam-muội thứ tư mở ra bốn khoa: một là các pháp kinh hành, đây cần phải thâm đủ chiêm-sát hai quán, vì sao ngài Tứ Minh định là tùy ý mình chỉ tu sự quán?

Đáp: Chiêm-sát sự lý hai quán, ba Tam-muội trước đã tu lý quán thế nên cái thứ tư chỉ tu sự quán. Có người nói rằng thường ngồi là lý, ba thứ kia là sự. Nghĩa là thường đi là trải sự niệm Phật, Phương đảnh trải sự trì chú tùy ý mình trải sự ba tánh. Hoặc nói ba thứ Tam-muội trước cùng các pháp kinh hành thông lý thông sự, chỉ tưng nhậm ba tánh chuyên tu sự quán. Chuẩn theo ngài Kinh Khê nói như thường ngồi v.v... hoặc chỉ quán lý thì hiển ba thứ Tam-muội trên thông tu sự quán. Đây là do mê lầm tướng hai quán bèn mê hành bốn thứ.

Có người hỏi: Chỉ quán là chính tông Pháp Hoa vì sao hành tướng khích thông các kinh?

Đáp: Riêng nói hành tướng tuy thông các sách. Hành là tạo tu khai quy Pháp Hoa, cho nên nghĩa nêu rằng là biết bốn thứ Tam-muội đều y thật tướng. Thật tướng là pháp an lạc, bốn duyên là hạnh an lạc. chứng thật tướng rồi thì chỗ được y báo gọi là đại quả, khởi giáo chỉ là khiến chúng sanh khi thị ngộ nhập, chỉ qui chỉ là qui về ba quý. Diệu Pháp Bí Tạng do đó trước sau đều y Pháp Hoa, tức là diệu hạnh của Pháp Hoa Tam-muội.

Mạt-đế (Mati), Tần gọi là Tuệ.

Nhã-na (Jinana), Tần gọi là trí. Trí cùng Tuệ có khác có đồng. Nói khác là như Triệu Sư nói: Quyết định xét lý thì gọi là trí, tạo tâm phân biệt thì gọi là Tuệ. Phân biệt thì từ nhân mà lập tên, quyết định thì từ quả mà lập tên. Cho nên Đại Luận lấy đạo tuệ đạo chủng tuệ là chung riêng trong nhân Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí là chung riêng của quả. Phụ Hành nói: Nói chung riêng là nói thẳng đạo tuệ là Nhất thiết trí, nên gọi là chung đều thêm chữ chủng nên gọi là riêng. Ngài Thiên Thai nói: Khéo vào Phật pháp gọi là Tuệ khéo dùng Phật pháp gọi là trí. Triệu Luận Sao nói: Trí là biết, Tuệ là thấy. Đây là ước nghĩa khác. Nếu thông đường nói trí chỉ là tuệ, là đều thông quyền thật cho đến nhân quả. Cho nên tiếng Phạm là Bát-nhã, dịch là Trí tuệ, hợp làm

một tên chẳng phân hai khác. Nay ở nghĩa khác để nói Tuệ học. Song Tông Cảnh nói: Ngã pháp đều không chỉ từ thức biến. Đệ nhất tâm pháp hay biến có ba: một là đệ tám Dị thực thức biến, hai là đệ bảy Tư lương thức biến, ba là đệ sáu Liễu biệt thức biến. Vì mê nhân không nên khởi cái ngu ngã kiến và chịu vọng sanh tử. Vì mê pháp không nên trái cảnh hiện lượng, chướng tịnh Bồ-đề. Đã Duy thức biến thì ngã pháp đều hư nhân đây hai không mà khế hội Huyền Chỉ. Vì ngã không nên chướng phiền não dứt. Vì pháp không nên chướng sở tri tiêu, vì chướng phiền não dứt nên chứng nhân giải thoát, vì chướng sở tri tiêu nên được đại Bồ-đề. Hạnh mãn nhân môn tâm mờ quả hải, cảnh thức đều dứt chỉ một chân không.

44. LUẬN PHÁP SÁU ĐỘ

Như Pháp Hoa nói: Vì câu đạo Bồ-tát, nên nói phải sáu Ba-la-mật, đến nổi (là vì) bố thí mà mạng chết tài tiêu, trì giới thì phòng ngăn hộ tánh, nhẫn nhục thì như dao chặt nước, tinh tấn thì biết cứu lửa cháy đầu, thiên-na thì bốn mươi ni nghi yên vắng, trí tuệ thì một niệm viên minh (tròn sáng). Tâm đại nguyện khắp đủ, đạo vô tác khắp thí, vượt dòng sanh tử lên bờ Niết-bàn, nên gọi là sáu độ.

Đàn-na (Dàna), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi bố thí nêu trong có tín tâm ngoài có phước điền có tài vật, ba sự hòa hợp, tâm sanh xả pháp hay phá xan tham đó là Đàn-na. Bố thí có hai: một là tài thí, hai là pháp thí. Tài thí: tức các thứ ăn uống, y phục, ruộng nhà, gia súc nô tỳ, trân bảo, tất cả cái mình có, vật dụng của thân và vợ con, cho đến thân mạng thuộc người khác, vì người khác mà tài thí nên gọi bỏ thân mình cũng là thuộc tài thí. Có ai cần gì thì đều thí cho đều gọi tài thí. Pháp thí: là nếu từ chư Phật và các Thiện tri thức nghe nói thiện pháp thế gian và xuất thế gian, hoặc từ kinh luận mà nghe, hoặc tự mình quán hạnh mà biết, dùng tâm thanh tịnh vì người diễn nói đều gọi là pháp thí.

Thi-la (Sila), dịch là Thanh lương. Đại Luận nói: Tần gọi là Tánh thiện, tức thích làm thiện đạo chẳng tự buông lung, đó gọi là Thi-la. Kinh Âm Nghĩa nói: Đây là dịch nghĩa, dịch đúng là Chỉ-đắc, nghĩa là chỉ ác đắc thiện (ngăn ác được thiện). Lại xưa dịch là giới, giới có nghĩa là ngăn phòng, luật nghi hay phòng ác, không làm buông lung các quấy, ngăn ba nghiệp khổ ác nên gọi là phòng chỉ (ngăn phòng). Đại Luận nói: Thế nào là giới. Nếu ngừng ác không làm nữa hoặc tâm sanh hoặc miệng nói hoặc người khác bảo (làm theo người khác), dứt ác thân khẩu đó là giới. Kinh Âm Nghĩa nói: Tiếng Phạm gọi Tam-bà-la, dịch

là cấm giới. Giới Số nói: Giới nghĩa là huấn cảnh, cảnh sách ba nghiệp xa lìa duyên quấy, nói rõ nhâ nấy. Ưu-bà-tắc Giới Kinh nói: Giới gọi là chế hay chế tất cả pháp bất thiện. Lại giới nghĩa là ước có nghĩa là huấn là lặc. Toản Yếu nói: Ước có hai trăm năm mươi giới đều có bốn oai nghi hợp làm một ngàn, theo ba đời mà thành ba ngàn. Dem ba ngàn oai nghi phân phối cho thân khẩu bả y chi thành hai vạn một ngàn (21.000). lại ước đối trị ba độc và đả phần thành tám vạn bốn ngàn (84.000).

Sằng-đề (Ksàṭṭi), dịch là an nhĩn. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là nhĩn nhục, nội tâm hay an nhĩn ngoại cảnh làm nhục nên gọi là nhĩn nhục. Nhĩn nhục có hai: một là sanh nhĩn, hai là pháp nhĩn. Thế nào là sanh nhĩn, sanh nhĩn có hai: một là trong cung kính cúng dường hay nhĩn mà không đả trước thì chẳng sanh kiêu ngạo buông lung; hai là sân giận đả hại hay nhĩn thì chẳng sanh giận hờn sầu oán, đó là sanh nhĩn. Thế nào là pháp nhĩn. Pháp nhĩn có hai: một là phi tâm pháp, nghĩa là gió, mưa, lạnh, nóng, đói, khát, già, bệnh, chết v.v...; hai là tâm pháp, tức là giận hờn lo buồn nghi dâm dật, kiêu mạn, tà kiến v.v... Bồ-tát với hai pháp này hay nhĩn chẳng động thì gọi là pháp nhĩn.

Tỳ-lê-gia (Virya), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là Tinh tấn, ưa thích siêng làm thiện pháp, chẳng tự buông lung gọi là tinh tấn. Tinh tấn có hai: một là thân tinh tấn, hai là tâm tinh tấn. Nếu thân siêng tu thiện pháp, hành đạo lễ tụng giảng nói khuyên giúp khai hóa, đó là thân tinh tấn. Nếu tâm siêng làm thiện đạo, tâm tâm nói nhau, đó là tâm tinh tấn. Lại nữa, siêng tu Thí giới thiện pháp đó là thân tinh tấn, siêng tu nhĩn nhục, thiền định, trí tuệ đó là tâm tinh tấn. Chỉ Quán dẫn xưa nói: Tinh tấn không có thể riêng chỉ dốc làm các hạnh theo nghĩa mà suy thì có thể riêng nêu vô minh thông vào các sử lại riêng có vô minh. Nay lại nhờ tụng kinh siêng khuyên gắng tâm mình mà tinh tấn ngày đêm không thiếu sót bèn được hoạt lợi (trơn nhanh) mà không phải Tam-muội tuệ. Duy Thức Luận nói: Dũng Hãn làm tánh. Số nói dũng mà không khiếp sợ, là sách phát. Hãn mà không sợ, là tự chịu cực nhọc. Trần Thị nói: Tính (siêng) cái tâm, tấn (gắng) cái chí. Trong Đại Tập Phật nói: Tinh tấn có hai thứ có hai thứ: một là thủy phát tinh tấn, hai là chung thành tinh tấn. Bồ-tát lấy thủy phát tinh tấn mà lập thành tất cả pháp, lấy chung thành tinh tấn mà phân biệt tất cả pháp, không được tự tánh. Kinh Pháp Cú nói: Nếu hay tâm chẳng khởi thì tinh tấn không bờ bến.

Thiền-na (Dhyāna), dịch là Tịnh lự. Trí Luận nói: Tần gọi là Tư duy tu, nói Thiền ba-la-mật tất cả đều nhiếp. Pháp Giới Thứ Đệ nói:

Thiền có hai thứ: một là Thiền thế gian, hai là Thiền xuất thế gian. Thiền thế gian là bốn Thiền căn bản, bốn Vô lượng tâm, bốn Vô sắc định, tức là Thiền của phàm phu làm. Thiền xuất thế gian là Lục diệu môn, mười sáu Đặc thắng, Thông minh, chín Tưởng, tám Niệm mười tưởng, tám Bối xả, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ, Luyện thiền, mười bốn Biến hóa nguyện trí đảnh thiền, Vô tránh Tam-muội, ba Tam-muội, Sư tử phần tấn siêu việt Tam-muội, cho đến ba minh sáu thông. Như thế các thiền đều là Thiền xuất thế gian. Thiền xuất thế gian thượng thượng là tự tánh v.v... chín thứ Đại thiền. Tịnh Danh Sớ nói: Phật tâm trí giám (soi) viên minh há nhọc tư duy, rốt ráo vô học há được nói tu. Lại dịch là khí ác, trí Như Lai thuần tịnh ác nào có thể bỏ, cho nên tư duy các nghĩa đều là nhân. Kinh Lăng-già nói: Bốn thứ thiền, người ngu hành thiền gọi Thanh văn, Duyên giác. Ngoại đạo là người tu hành, quán nhân tánh vô ngã tự tướng và cộng tướng cốt tủy, tướng vô thường, khổ, bất tịnh đấm trước làm đầu. Như thế tướng không khác quán trước sau dần lên, tướng không trừ diệt đó gọi là ngu phu thiền, quán sát nghĩa thiền, tức là nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng ngoại đạo tự tha đều vô tánh. Đã quán pháp vô ngã nghĩa của địa tướng kia dần dần tăng tiến, đó gọi là Quán sát nghĩa thiền, phan duyên như thiền, Như Lai thiền, nghĩa là vào địa Như Lai hành tự giác thánh trí ba thứ lạc trụ thành biện chúng sanh sự bất tư nghi, đó gọi là Như Lai thiền. Tụng rằng:

*Phàm phu làm các thiền,
Quán sát tướng nghĩa thiền,
Phan duyên như thật thiền,
Như Lai thanh tịnh thiền.*

Bát-nhã (?), Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tần gọi là trí tuệ. Chiếu rõ tất cả các pháp đều chẳng thể được, mà hay thông suốt tất cả vô ngại, gọi là trí tuệ. Đại Luận nói: Bát-nhã định thật tướng sâu xa rất nặng trí tuệ thì coi nhẹ nên không gọi. Đây vì sanh thiện nên không dịch. Sáu độ này Pháp Tổ dẫn kinh luận để luận tướng của nó cùng lập năm nghĩa:

Một là đối trị: Thiện Giới Kinh nói: Gọi xan ác sân đái loạn si là các xấu phải phá.

Hai là tương sanh: Thiện Giới Kinh nói: Tức bỏ nhà trì giới gặp nhục phải nhẫn, nhẫn rồi tinh tấn, tinh tấn rồi điều năm căn, căn điều nên biết pháp giới. Lại Giải Thâm Mật Kinh nói: Hay làm (về) sau sau dần phát, nghĩa là chư Phật, Bồ-tát nếu ở thân tài mà không mến tiếc, lại hay thọ trì cấm giới thanh tịnh, vì để hộ giới liền tu nhẫn nhục, tu nhẫn nhục rồi hay phát tinh tấn, phát tinh tấn rồi hay luận tịnh lực, luận tịnh lực

rồi liền hay hộ trì được tuệ xuất thế gian. thế nên ta nói Ba-la-mật-đa thứ lớp như thế.

Ba là quả báo: Thiện Giới Kinh nói: Giàu sang, sắc lực, sống lâu sao hiện. Lại các kinh khác nói: Báo của thí là giàu, báo của giới là thiện đạo, báo của nhẫn là đoan chánh, báo của tấn là thần thông, báo của thiền là sanh lên trời, trí phá phiền não. Vô Trước Luận nói: Có hai thứ quả tức vị lai và hiện tại. Quả ở vị lai thì đần được phước lớn, Thi-la được tự thân đầy đủ, tức là Thích Phạm v.v... Sắng-đề thì được các quả báo không dứt, thiền thì được thân sống chẳng tổn hoại, Bát-nhã thì được các căn mạnh nhanh và nhiều vui vẻ, ở trong trời, người đại chúng được tự tại v.v.... quả ở hiện tại, thì được tin tưởng cung kính cúng dường và hiện pháp Niết-bàn.

Bốn là hổ nhiếp (nhiếp nhau): Di-lặc Tụng rằng: Đàn nghĩa là nhiếp ở sáu tư sanh vô úy pháp là trong một trăm hai mươi ba gọi là tu hành trụ, đàn này nhiếp sáu độ vậy. Lại Bồ-tát Tư Lương Luận rằng: Đã là mẹ Bồ-tát cũng là mẹ chư Phật. Bát-nhã ba-la-mật là Giác sơ tư lương, Thí giới nhẫn tấn định và ngoài năm thứ này phương tiện nguyện trí lực đều do trí độ cho nên được Ba-la-mật (nên thuộc Ba-la-mật) nhiếp. Đây là Bát-nhã nhiếp sáu độ, trước sau đã thế thì bốn thứ giữa suy ra mà biết.

Năm là thí dụ: Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát Ma-ha-tát, vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ, phương tiện khéo léo là cha. Đàn ba-la-mật là nữ mẫu (bà vú), Thi-la ba-la-mật là dưỡng mẫu (mẹ nuôi), Nhẫn ba-la-mật là trang nghiêm cụ (đồ làm đẹp), Cần ba-la-mật là người nuôi dưỡng, Thiền ba-la-mật là người tắm rửa, Thiện tri thức là giáo thọ sư, tất cả Bồ-đề phận là bè bạn, tất cả thiện pháp là quyến thuộc, tất cả Bồ-tát là anh em. Bồ-đề tâm là nhà, đúng lý tu hành là gia pháp, các đọa là gia xứ, các nhẫn là gia tộc, đại nguyện là gia giáo. Đầy đủ các hạnh là thuận giáo pháp, khuyên phát Đại thừa là nối gia nghiệp pháp thủy quán đảnh (nước pháp rưới trên đầu) thuộc một đời Bồ-tát làm Thái tử con vua. Thành tựu Bồ-đề là hay tịnh gia tộc. Sáu phần khai là sáu độ thông với Đại Tiểu mười độ chỉ ở Đại thừa, một đến (một lượt) cũng thông tạng thông hai giáo. Vì quyền lập ba trí. Nói mười độ là ở trong thiền có nguyện trí lực, cho nên khai (mở ra) nguyện độ, có thần thông trí khai (mở) ra lực độ, căn bản định giữ tên Thiền độ, trong Bát-nhã có Đạo chủng trí, mở ra phương tiện độ có Nhất thiết chủng trí mở ra trí độ, Nhất thiết trí vốn giữ tên Bát-nhã.

Ba-la-mật (Pàramità), Đại Luận lại gọi A-la-mật, Tần nói là Viễn

ly. Ba-la-mật, Tần gọi Độ bỉ ngạn (qua bờ kia). Hai âm này gần nhau hiểu cùng nghĩa nên đem A-la-mật giải thích Ba-la-mật. Thiên Thai Thiền Môn nói: 1- Trong các kinh luận phần nhiều dịch là Đáo bỉ ngạn, sanh tử là bờ bên này, Niết-bàn là bờ bên kia, ở giữa là dòng sông phiền não, Bồ-tát lấy Vô tướng trí tuệ mà ngồi ghe Thiền định, từ bờ sanh tử bên này đến bờ Niết-bàn bên kia, cho nên biết ước lý định để nói Ba-la-mật. 2- Đại Luận riêng dịch là Sự cứu cánh, tức là Bồ-tát Đại Bi vì chúng sanh khắp tu tất cả sự hạnh mãn túc. 3- Kinh Thụy Ứng dịch là Độ vô cực. Thông luận sự lý đều có nghĩa sâu kín xa xôi, hợp lại mà nói nên gọi độ vô cực, ước sự lý hạnh mãn này mà nói Ba-la-mật.

Ba-la-già (Pàraga), Đại Luận nói: Tần gọi Độ bỉ ngạn. Hoa Nghiêm nói: Vì thuyền Ba-la-mật ở trong dòng sanh tử chẳng nương bờ này chẳng đắm bờ kia, chẳng ở giữa dòng mà độ chúng sanh không ngừng nghỉ.

45. GIẢI THÍCH MƯỜI HAI CHI.

Hoặc nghiệp cùng giúp nhau, nhân duyên chung giúp, ba đời cũng như vòng quay, sáu đạo dụ như bánh xe quay. Phạm phu trầm mê sắc tâm băng chấp, thánh nhân vượt biết sanh tử sương tan, cắt đứt rừng gai gốc, năm nhân liền dứt nhanh dứt hết buộc ràng bảy quả đều mất, cho nên mười hai chi pháp này là đạt quán của Trung thừa.

Ni-đà-na (Nidàna), dịch là nhân duyên. La-thập nói: Sức mạnh là nhân, sức yếu là duyên. Triệu nói: Duyên trước sanh nhau là nhân, hiện tướng giúp thành là duyên. Sanh nói: Nhân là trước không có việc ấy mà từ đó sanh ra, duyên là không có phân chia (phần ấy?) mà từ nó khởi lên. Cho nên nhân thì thân mà duyên thì sơ. Duyên giác lợi căn quán thông ba đời, có nhân có duyên gọi là nhân duyên.

Trước quán quá khứ vô minh duyên hành. Nói vô minh là chẳng có pháp giới, tà kiến vọng chấp, thường ở trong tối tăm, nên gọi là vô minh. Nhân hoặc phiền não mà khởi ba nghiệp, tạo tác các pháp nên gọi là hành. Do hoặc nghiệp này mà cảm hiện năm quả Thức Duyên Danh Sắc Lục Nhập Xúc Thọ gọi là từ hành sanh tâm mà nhảy vào bụng mẹ, lưu ái làm giống nạp tửng ở thai phân biệt các pháp gọi đó là Thức. Thức chỉ có tên ngưng hoạt thuộc sắc, bốn đến bảy dần cứng nên gọi Danh sắc, sáu căn mở lớn gọi là Lục nhập. Từ khi ra khỏi thai mẹ đến ba - bốn tuổi, đối duyên lấy trần chưa biết khổ vui gọi đó là Xúc. Từ năm - sáu tuổi đến 12 - 13 tuổi nhận biết khổ vui có chứa ba cảnh đã hay phân biệt (biết rõ) nên gọi là Thọ. Lại từ quả báo khởi Ái - Thủ - Hữu, ba chi hoặc nghiệp thành nhân hiện tại. Từ 14 - 14 tuổi đến 18

- 19 tuổi tham các thứ cảnh, như khát muốn uống nên gọi là Ái. Từ 19 tuổi trở đi, tuổi càng lớn tham dục càng nhiều, chẳng nhờ thân mạng hay có chỗ lấy nên gọi là Thủ. Ái thủ thể đồng hơn kém có khác, mong cầu các cảnh mà khởi nghiệp thiện ác mà luôn sanh trong ba hữu nên gọi là Hữu. Do có nhân này mà cảm ở vị lai hai thứ quả báo đó là sanh, lão, tử. Ấm sau mới khởi nên gọi là sanh. Ở đời bị suy yếu nên gọi là lão, cuối cùng vị hư hoại nên gọi là tử. Đó là mười hai pháp xoay vần cảm quả nên gọi là nhân, cùng do nhờ mà có nên gọi là Duyên. Nhân duyên tiếp nối nhau thì đi về không bờ bến. Nếu hiểu rõ vô minh thì sanh tử tự dứt. Đó là yếu thuật ra đời của Duyên giác.

46. NÓI PHÁP TỨ ĐẾ.

Pháp Giới Thứ Đệ nói: Nói chung về Đế, đế là nghĩa thắm thật, pháp Tứ đế này chính là người Thanh văn từ nghe mà sanh hiểu nên ắt phải nhờ giáo thuyết lý chẳng dối nên gọi là Thắm thật. Nếu do nhân cảm quả thì phải nhân trước mà quả sau. Nay ắt trước quả mà nhân sau. Giáo môn dẫn vật làm tiện. Hai đến trước là pháp thế gian khiến biết khổ mà đoạn dứt tập, nên trước quả mà sau nhân. Hai đến sau là pháp xuất thế gian, khiến vì diệt mà tu đạo, cũng là trước quả mà sau nhân. Phật độ được tám trăm năm thì Như Ý Luận Chủ, vua lễ làm thầy lập nghĩa nhân trước mà quả sau. Nói tập khổ là nhân quả Hữu lậu, đạo diệt là nhân quả Vô lậu. Ngoại đạo phá rằng: Thầy ông ra đời nói khổ, tập, diệt, đạo, vì sao đệ tử lại nói tập, khổ, đạo, diệt có trái với thầy chẳng? Như Ý cứu rằng: Khi Phật còn ở đời đối với người không tin nhân quả mà nói quả trước nhân sau. Ta nay thuận nhân quả mà nói thì cũng chẳng trái nhau. Lúc đó ngoại đạo bè đảng rất mạnh, trong chúng không người chứng nghĩa, vua bèn ban cho ngoại đạo bảy mươi lượng vàng, phong cho ngoại đạo luận là Kim thất thập luận, Như Ý bèn thua cấn lưỡi mà chết. Đến năm chín trăm Thế Thân vạch luận ngoại đạo quả thấy Như Ý bị thua, bèn tạo luận quý luận thức v.v... dâng lên vua cứu Như Ý Luận Chủ, vua thêm kính nể ban cho Thế Thân bảy mươi lượng vàng, phong làm Thắng kim thất thập luận. Vua cột cổ đánh thầy biểu thị ngoại đạo tà tông thầy bèn ra máu, nên người xuất gia cần phải hiểu rõ Tứ đế giáo môn về nghĩa trước sau của hai pháp nhân quả.

Đâu-khư (Duhkha), hoặc gọi bốn nhĩ. Tấn gọi là khổ. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Khổ là nghĩa bức não tất cả tâm hành hữu vi thường bị các hoạn nạn vô thường bức não, nên gọi là khổ. Khổ có ba thứ: một là khổ khổ, hai là hoại khổ, ba là hành khổ. Nay nói ba khổ có riêng có chung.

Riêng thì ba khổ riêng đối với ba thọ. Khổ thọ từ khổ duyên sanh, tình biết là khổ, tức là khổ khổ. Khi lạc thọ lạc hoại thì sanh khổ, tức là hoại khổ. Thọ chẳng khổ chẳng vui, thường bị vo thường đời động, tức là hành khổ. Nếu luận chung ba khổ thì ba thọ thông có ba khổ. Vì sao thế, vì tâm ba thọ tức là khổ, thông từ khổ duyên sanh, cho nên thông là khổ khổ. Tâm của ba thọ thông bị hoại tướng làm hoại, cho nên thông là hoại khổ. Tâm của ba thọ thông là tướng khởi việc vận động không ngừng, cho nên thồn là hành khổ. Hành lấy đời đời làm nghĩa. Cho nên Lăng-nghiêm nói: ví như thác dữ nổi sóng liên tục bờ trước bờ sau không vượt qua. Các Cổ đức có tụng hạnh khổ ngâm đời rằng:

Như để một lông mi trên bàn tay người chẳng biết,
 Nếu để trong tròng mắt thì rất đau xốn chẳng an.
 Người ngu như bàn tay chẳng biết hành khổ đời đời,
 Người trí như tròng mắt đau xót mà chán sợ.

Trí Luận nói: Vô lượng chúng sanh có ba thứ thân khổ là lão, bệnh, tử, ba thứ tâm khổ là tham, sân, si, ba thứ khổ đời sau là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Kinh Pháp Cú nói: Xưa có bốn Tỳ-kheo luận việc đời khổ. Một người nói dâm dục làm khổ người, một người nói đói khát làm khổ người, người nợ thì nói giận hờn quấy rối người, người kia thì nói sợ sệt đáng sợ, ai nấy đều chấp ý mình cho người là sai. Phật biết bèn hỏi, các Tỳ-kheo trình bày rõ. Phật nói chỗ các ông luận không rốt nghĩa khổ, thân là gốc các khổ, các nạn, phải cầu tịch diệt đây là vui nhất.

Tam-mâu-đề-da (Samudaya), hoặc gọi Di nhĩ, Tấn gọi là tập. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Tập lấy nhóm họp (vời lấy) làm nghĩa. Nếu tâm cùng kết nghiệp tương ưng thì ở vị lai sẽ chiêu (vời) lấy các khổ sanh tử, nên gọi là tập.

Ni-lâu-đà (Nirodha), hoặc gọi Bàn-na. Tấn gọi là đạo. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Đạo lấy hay thông làm nghĩa đạo có hai thứ: một là chánh đạo, là thật quán ba mươi bảy đạo phẩm, ba giải thoát môn, chuyên lý tuệ hạnh gọi là Chánh đạo; hai là trợ đạo, đặc giải quán trung (được trong giải quán) các thứ pháp đối trị và các thiền định, đều là trợ đạo. Hai thứ này giúp nhau hay thông Niết-bàn nên gọi là đạo. Bốn thứ Hoa Phạm này trích từ Kinh Hiền Ngu. Tỳ-đàm nói: Phật vì bốn vua làm thánh ngữ (tiếng Phạm âm?) nói bốn đế, hai vua hiểu, hai vua không hiểu. Lại nói tiếng Tỳ-đa thì vua hiểu một vua không hiểu. Lại nói tiếng Lê-xa thì bốn vua đều hiểu. Cho nên bốn đế gọi là Phi nhất khái. Pháp Tứ đế này nếu dùng như thuốc trị bệnh khu luyện, khổ tập là nhân quả

thế gian, đây thuộc về bệnh. Đạo diệt là nhân quả xuất thế gian, đây cũng là thuốc. Nếu dùng chân tục mà phân biệt thì có ba nghĩa: Một là bốn đế đều chân: Như Kinh Niết-bàn nói: Ta xưa cùng ông đều chẳng thấy bốn chân đế, thế nên bị chìm lâu trong biển khổ lớn sanh tử. Hai là bốn đế đều tục: Chỉ Quán nói: Diệt còn chẳng chân, ba đế kia thì sao thì sao. Ba là một chân ba tục: Thắng-man nói: Bốn thánh đế này, ba thứ là vô thường, một thứ là thường. Lại nói thế nên khổ đế, tập đến, đạo đế chẳng phải đế đệ nhất nghĩa, chẳng thường chẳng y, một khổ diệt đế. Là có tướng là thường. Lại Kinh Niết-bàn nói về bốn đế gồm có bốn thứ: một là Sanh diệt bốn đế, hai là Vô sanh bốn đế, ba là Vô lượng bốn đế, bốn là Vô tác bốn đế. Kinh Thắng-man cũng nói bốn thứ: một là Hữu tác bốn đế, hai là Hữu lượng bốn đế, ba là Vô tác bốn đế, bốn là Vô lượng bốn đế. Nhưng hai kinh này lời có khác chút ít.

Kinh Khê hỏi: Vì sao lập bốn thứ bốn đế khác nhau?

Đáp: Đế vốn không bốn, đến chỉ là lý, lý còn không một vì sao có bốn. Cho nên biết y quyền thật của Như Lai Tạng đồng thể. Đại bi nguyện lực tùy thuận vật cơ chẳng vì được mình mà dùng, cơ nghi bất đồng đến nỗi pháp có sai khác, từ một thật lý mở ra quyền lý, quyền thật hai lý hay nói giáo khác. Cho nên có bốn thứ khởi, giáo sai khác. Ba tạng nói sanh diệt, thông giáo nói vô sanh, biệt giáo nói vô lượng, viên giáo nói vô tác. Thế nên Thiên Thai nói bốn thứ pháp Tứ đế.

47. CHỈ QUÁN BA NGHĨA.

Thật tướng thể vốn vắng lặng, nhân nguyên tịnh bèn gọi là chỉ. Bốn Giác Linh Chiếu do thường sáng nên gọi là quán. Gió vọng chợt động thì nhờ diệu Xa-ma-tha mà chỉ. Tâm châu tối lâu, cần Tỳ-bà-xa-na mà quán. Trong Ma-ha Chỉ Quán Thích Danh Chương nói: Một cộng thông ba đức, hai đều mở ba nghĩa. Nay y vào luận ấy mà nên tiếng Phạm. Một nêu cộng thông.

Xa-ma-tha (Samata), dịch là chỉ. Kinh Niết-bàn nói Xa-ma-tha gọi là Năng diệt là hay diệt tất cả các kiết phiền não. Lại gọi là Năng điều, là hay điều phục các căn ác bất thiện pháp. Lại gọi là tịch tịnh là hay khiến ba nghiệp đều vắng lặng. Lại gọi là viễn ly, là hay khiến chúng sanh xa lìa năm dục. Lại gọi là năng thanh là hay khiến trong được ba độc tham dục sân giận ngu si, vì các nghĩa ấy nên gọi là Định thắng.

Tỳ-bà-xá-na (Vipazyana), dịch là quán. Kinh Niết-bàn nói: Tỳ-bà-xá-na gọi là Chánh kiến, cũng gọi là Liễu kiến hay Năng kiến, Biến

kiến, Thứ đệ kiến, biệt tướng kiến. Đó gọi là Tuệ.

Ưu-tất-xoa (Upekṣa), dịch là Chỉ quán bình đẳng. Niết-bàn nói: Ưu-tất-xoa gọi là Bình đẳng, cũng gọi là Bất tranh, Bất quán, bất hành. Đó gọi là Xả. Chỉ Quán nói: Nếu dùng hai chữ cộng thông ba đức, thì chỉ tức là đoạn. Đoạn thông là (với) giải thoát. Quán tức là trí, trí thông là (với) Bát-nhã chỉ quán v.v... gọi là Xả tướng. Xả tướng tức là thông với pháp thân. Khởi Tín Luận nói: Nói về chỉ tức là tướng dùng tất cả cảnh giới, tùy thuận Xa-ma-tha mà quán nghĩa. Nói về quán, nghĩa là tướng phân biệt nhân duyên sanh diệt, tùy thuận Tỳ-bát-xá-na mà quán nghĩa. Vĩnh Gia Tập nói: Vì dùng Xa-ma-tha nên tuy chiếu mà thường chiếu, vì dùng tỳ-bát-xá-na nên tuy chiếu mà thường tịch, vì dùng Ưu-tất-xoa nên chẳng chiếu chẳng tịch. Vì chiếu mà thường tịch nên nói tục mà tức chân. Vì tịch mà thường chiếu nên nói chân mà tức tục. Vì chẳng tịch chẳng chiếu nên đổ khẩu ở Tỳ-da. Kinh trưởng Giả Tử Lục Quá Xuất Gia nói: Phật bảo Tỳ-kheo Tăng-già-la-ma, ông nên làm hai pháp chỉ quán, Tăng-già-la-ma bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, con rất hiểu. Phật bảo ta nói tóm tắt vì sao nói rất hiểu. Tăng-già-la-ma nói chỉ là các kết dứt hẳn, quán là quán tất cả pháp. Phật nói lành thay! Hai là nói đều mở, một nêu ba chỉ.

Điều-xa-ma-tha (Susamta), tức là Thể chân chỉ.

Tam-ma (Samaya), tức là Phương tiện tùy duyên chỉ.

Thiên-na (Dhyāna), tức là Tức nhị biên phân biệt chỉ, tên trích từ Lăng-nghiêm. Tư Trung nói: Chuẩn theo Kinh Viên Giác thì Xa-ma-tha làm tướng, Thiên-na đều là Tịnh Huyền hai tướng. Song hai kinh này khi Thiên Thai nói thì kinh đều chưa đến mà trong chỉ quán đã dự lập nghĩa ấy. Cho nên chỉ quán hai chữ đều mở ba nghĩa: một là Thể chân chỉ, hai là Phương tiện tùy duyên chỉ, ba là Tức nhị biên phân biệt chỉ. Lại nói tên ba chỉ này tuy chưa thấy trong kinh luận ánh vọng ba quán tùy nghĩa mà lập tên, tướng nó thế nào? Thế vô minh điên đảo tức là chân thật tướng, gọi là Thể chân chỉ. Như thật tướng này ở khắp tất cả chỗ, tùy duyên trải cảnh mà an tâm chẳng động thì gọi Tùy duyên phương tiện chỉ. Sanhtwr, Niết-bàn, tịnh tán đều dứt hết thì gọi Tức nhị biên chỉ. Ngài Cô Sơn giải thích rằng: Nay A-nan tuy chuyên thỉnh cầu ở chỉ, dùng tức một mà ba nêu chỉ này tức là quán cũng tức là Bình đẳng, ba - một dung nhau, do đó gọi là Diệu. Vì diệu nên mới gọi Lăng-nghiêm đại định. Nay ở một chỉ lại có ba tên Xa-ma-tha tức là Thể chân chỉ, chỉ ở Chân Đế (dịch Xa-ma-tha là chỉ, định là tên khác là nghĩa tịch tịnh (vắng lặng) nghĩa là nhiệm tịnh các cảnh tâm không vọng duyên).

Tam-ma-đề cũng gọi là Tam-ma-bát-đề, dịch là Đẳng trì, tức là Phương tiện tùy duyên chỉ. Chỉ ở Tục đế (Tam-ma-đề, Trí Luận gọi là tất cả thiên định nhiếp tâm đều gọi là Tam-ma-đề. Tần gọi là chỗ chánh tâm hành, là tâm từ vô thủy đến nay thường cong vạy chẳng thẳng, được chỗ chánh tâm hạnh này thì liền ngay thẳng. Như con rắn bò cong vào ống thì đi thẳng. Dịch là Đẳng trì, nghĩa là lia các trâm trạo gọi là Đẳng. Khiến tâm trụ vào một cảnh gọi là Trì). Thiên-na, dịch là Tịnh lực, tức là Túc nhị biên phân biệt chỉ, chỉ ở Trung đạo.

Kể nói ba quán: Là Không - Giả - Trung (Sunyata-Prajñapti-Madhyamika). Ngài Kinh Khê khi lâm chung đã dạy chúng rằng: Một niệm vô tướng gọi là Không, pháp chẳng đủ gọi là Giả, chẳng một chẳng khác gọi là Trung. Ngài Chương An nói: Thiên Thai truyền cho Nam Nhạc ba thứ chỉ quán; một là tiệm thứ, hai là Bất định, ba là Viên đốn, đều là Đại thừa, đều là tướng viên thật, đồng tên là Chỉ quán. Tiệm thì mới cạn sâu sâu như leo lên thang, chẳng định trước sau lại giúp nhau, như kim cương báu để trong mặt trời. Viên đốn thì trước sau chẳng hai. Như người có thần thông bay lên không, vì ba căn tánh nói ba pháp môn. Tuy nói thầy trò truyền nhau nhưng nguyên bản đều lấy từ kinh Phật, cho nên thứ lớp ba quán, như Anh Lạc quyển thượng nói: Từ giả vào Không quán, cũng gọi là hai Đế quán. Từ không vào Giả quán, cũng gọi là Bình đẳng quán, nhân đó hai Không quán làm phương tiện mà được vào Trung đạo đệ nhất nghĩa đế quán. Đây gọi là thứ lớp ba quán. Lại quyển hạ nói: Khi đỉnh đầu Phật phóng ra tất cả ánh sáng, lại tập họp Phật và Bồ-tát ở mười phương trăm ức Phật độ liền ở trong chúng bảo Văn-thù, Phổ Hiền, Pháp Tuệ, Công Đức Lâm, Kim Cang Tràng, Kim Cang Tạng, Thiện Tài Đồng Tử... các ông thấy trong chúng ấy Kinh Thủ Bồ-tát hỏi ba quán pháp giới chư Phật tự tánh thanh tịnh đạo, tất cả Bồ-tát có tu pháp môn ba quán chẳng? Các ông đều lãnh đạo trăm vạn đại chúng đều nên tu học pháp môn như thế. Lại Trung Luận nói: Pháp do nhân duyên sinh ra, ta nói tức là không, cũng gọi là Giả danh, cũng gọi là Trung đạo. Đây đều là văn nói một tâm ba quán. Song đây đều mở ra ba nghĩa toàn khác Niết-bàn, cộng thông ba đức do lộn đồng từ xưa, nên nay phân biệt ra.

48. CÁC PHÁP THIỆN HẠNH.

Bốn tất-đàn bị vật, các thiện tùy nghi, đường bốn môn khác, quả Nhất thừa không sai. Các thứ chánh hạnh đều đoạn dứt dây ái muốn kiếp, mỗi mỗi trợ đạo đều phá hết lưới trần ngàn đời. Nay sơ tìm tiếng

Phạm lược ghi tiếng Tống, muốn đủ hai thứ trang nghiêm cần trình bốn Hoàng thệ nguyện.

Tất-đàn (Siddhànta), ngài Nam Nhạc nói: Trong Đại Niết-bàn chữ tất-đàn là tiếng Hoa Phạm cùng gọi. Tất là tiếng Hoa, đàn là tiếng Phạm. Tất là khắp, đàn là thí tức Phật dùng bốn pháp khắp thí chúng sanh, nên gọi tất-đàn. Diệu Huyền nói: Thế giới tất-đàn là ích hoan hỷ, vì người tất-đàn là ích sanh thiện. Đối trị tất-đàn là ích phá ác. Đệ nhất nghĩa tất-đàn là ích nhập lý. Diệu Lạc nói: Tiền hai giáo và Biệt địa tiền chỉ thuộc ba tất, còn dẫn vào kinh này là Tất đệ nhất nghĩa.

Tăng-na (Saṃnāha), dịch là Hoàng thệ. Triệu Luận nói: Phát tâm đầu Tăng-na (trước phát Hoàng thệ) sau dùng đại bi để phó nạn. Đây gọi là phát tâm. Nhân Vương nói: Thập Thiện Bồ-tát phát đại tâm, mãi từ biệt (xa lia) biển khổ ba cõi, đây là tương tự phát tâm vậy. Hoa Nghiêm nói khi mới phát tâm liền thành Chánh giác. Đây là phần chứng phát tâm vậy. Nói Hoàng thệ, ngài Thiên Thai nói: Duyên rộng khắp gọi là Hoàng, tự chế tâm mình gọi là thệ, chí cầu đầy đủ gọi là nguyện. Bậc đại sĩ rộng mang vận tâm rộng khắp, y cảnh vô tác bốn đế mà khởi bốn tâm Hoàng thệ. Một là Anh Lạc ai chưa vượt khổ đế thì khiến vượt, sáu đạo chịu khổ phần đoạn, ba thừa chịu khổ biến định. Hiểu rõ ấm nhập đều như không khổ có thể bỏ, miệng phát thệ rằng chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Kế y vào Anh Lạc ai chưa hiểu (cởi bỏ?) tập đế khiến hiểu (cởi bỏ?) (cởi bỏ = giải?). bốn trụ phiền não nhuận (thấm nhuần) nghiệp hữu lậu, vô minh phiền não nhuận nghiệp vô lậu. Phải hiểu trần lao vốn sạch, không tập nào có thể trừ mà miệng phát thệ rằng phiền não vô số thệ nguyện đoạn. Ba là y Anh Lạc chưa dan đạo đế khiến an. Thuyền trí tuệ vượt nhanh biển khổ, giới định làm thông kho bí mật yếu đạo. Phải biết biên tà trung không đạo có thể tu mà miệng liền phát thệ rằng Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành. kính mong đấng Đại Giác nhiều kiếp độ sanh đều không mỏi mệt, là nguyện mãn bốn địa vậy.

Tăng-niết, một gọi Tăng-na đại thệ, Tăng-niết tư thệ, một gọi Tăng-na ngôn khải (nói là áo giáp). Tăng-niết gọi là mặc, tức mặc áo giáp lớn, cũng gọi là trang nghiêm. Cho nên Đại Phẩm nói: Đại thệ trang nghiêm gọi đúng là San-na-ha, dịch là giáp. Hoặc gọi San-nại-đà, dịch là bị hay y, tức là mặc áo giáp.

Tỳ-bạt-da-tư, dịch là bốn Niệm xứ. Niệm tức là quán, xứ tức là cảnh. Trí Luận giải thích: Trước tập thiện pháp không mất (lỗi?) nên gọi là tưởng. Trí quyết định không nghi nên gọi là trí. Đại Kinh nói: Lại có thầy thuốc mới phương xa đến biết tám thứ thuật, gọi là bốn khô bốn

vĩnh. Nói bốn khô, là người ở trong năm ấm khởi bốn đảo kiến (thấy ngược), ở sắc cho là tịnh, ở thọ cho là sạch, ở tưởng hành cho là ngã, ở tâm cho là thường, cho nên khiến tu bốn Niệm xứ để phá bốn đảo:

Một là quán thân bất tịnh: Tất cả sắc pháp đều gọi là thân, mình gọi là nội thân, quyến thuộc và người khác gọi là ngoại thân, hoặc mình hoặc khác gọi là nội ngoại thân. Ba thứ sắc này Đại Luận gọi là năm thứ bất tịnh: một là sanh xứ (chỗ sanh), là thân bị nhơ ối hôi hám, không trì hoa sen sanh, cũng chẳng từ chiêm-bạc, lại chẳng ra ngoài núi báu. Hai là chủng tử bất tịnh, thân là thứ bất tịnh, không phải là vật diệu bảo khác chẳng do tịnh bạch (trắng sạch) sanh ra, cha mẹ có tà tưởng. Ba là tự tánh bất tịnh, là chất đất, nước, lửa, gió hay biến làm bất tịnh, hết nước biển rửa thân này cũng không thơm sạch được. Bốn là tự tướng bất tịnh, các vật bất tịnh đầy dẫy khắp trong thân luôn chảy ra không ngừng như túi lủng đựng đầy vật. Năm là cứu cánh bất tịnh, xét quán kỹ thân này trọn ắt về chỗ chết khó chế ngự không ngược (trở) lại, phụ âm như con nít.

Hai là quán thọ là khổ: Ý căn thọ gọi là nội thọ, năm thọ gọi là ngoại thọ, sáu căn thọ gọi là ngũ ngoại thọ, ở một căn có thuận thọ, trái thọ, có chẳng trái chẳng thuận thọ, ở thuận thì sanh lạc thọ, ở trái thì sanh khổ thọ, ở chẳng trái chẳng thuận thì sanh chẳng khổ chẳng lạc thọ. Lạc thọ là hoại khổ, khổ thọ là khổ khổ, chẳng lạc chẳng khổ thọ là hành khổ. Các thọ thô tế đều là khổ.

Ba là quán tâm vô thường: Tâm vương chẳng trụ, thể tánh lưu động, ngày nay tuy còn, ngày mai khó giữ. Núi sông lựu trác ánh sáng đá lửa, nếu chẳng kịp thời sau hối vô ích.

Bốn là quán pháp vô ngã: Pháp gọi là quý tắc (khuôn phép?) có thiện pháp, ác pháp và vô ký pháp người đều ước pháp cho là ta (ngã) ngã thì hay làm thiện, làm ác, làm vô ký. Ở trong các pháp này tìm ngã quyết không thể được, chỉ là lông rùa sừng thỏ, nhưng có tên gọi thật chẳng thể được (có). Cho nên kinh nói: Khởi chỉ pháp khởi, diệt chỉ pháp diệt, chỉ là ấm pháp khởi diệt, vô nhân vô ngã vô chúng sanh thọ mạng, đó gọi là vô ngã. Đây là nói tướng riêng của Niệm xứ. Còn tướng chung của Niệm xứ là duyên một cảnh chung làm bốn quán. Trong đây nên bốn câu lựa chọn: một là cảnh riêng quán riêng, hai là cảnh riêng quán chung, ba là cảnh chung quán riêng, bốn là cảnh quán đều chung. Là tướng chung của Niệm xứ. Nếu làm một thân Niệm xứ quán, hoặc chung hai ấm cho đến chung năm ấm đó gọi là cảnh chung quán riêng. Thọ - tâm - pháp niệm cũng lại như thế. Trong A-tỳ-đàm nói ba thứ

Niệm xứ, nghĩa là tánh cùng duyên đối phá ba thứ ngoại đạo. Tứ Giáo Nghĩa nói:

Một là Tánh niệm xứ: Trí Luận nói: Tánh niệm xứ là Tánh trí tuệ. Quán Thân trí tuệ là Thân niệm xứ. Thọ - tâm - pháp cũng lại như thế. Kẻ giải chẳng đồng, có người chỉ lấy tuệ số làm Tánh trí tuệ, tức là Tánh niệm xứ. Sư Nam Nhạc giải rằng: Quán lý tánh năm ấm gọi là Tánh niệm xứ. Cho nên Tạp Tâm Kệ nói: Thân ấy tướng bất tịnh, chân thật tánh thường định, các thọ và tâm pháp, nói cũng lại như thế.

Hai là Công niệm xứ: Trí Luận nói: Quán thân là trước, nhân duyên sanh đạo hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, thọ - tâm - pháp niệm xứ cũng lại như thế. Người giải chẳng đồng. Có sư giải rằng: Cộng thiện năm ấm, các thiện tâm số pháp hợp nói Niệm xứ. Hoặc sư Nam Nhạc giải rằng: Tức là chín tướng bối xả thắng xứ các đối trị quán môn, trợ chánh đạo mở làm ba giải thoát, nên gọi là Cộng niệm xứ. Cho nên kinh nói: Cũng phải niệm không pháp, tu tâm quán bất tịnh, đó gọi là thuốc cam lồ quán đánh của các Như Lai.

Ba là Duyên niệm xứ: Có sư giải rằng: Thông tất cả cảnh giới được quán đều gọi là Duyên niệm xứ quán. Có người nói cảnh mười hai ns, có người nói cảnh từ bi được duyên. Hoặc sư Nam Nhạc giải rằng: Duyên với giáo Phật nói ra về tất cả Ấm nhập giới, sự lý bốn đế, danh nghĩa ngôn ngữ. Âm từ, nhân quả, thể dụng... quán suốt vô ngại, hay sanh bốn biện tài ở Thích-ca pháp, tâm không chỗ ngại thành vô ngại giải thoát, ấy là nếu y Đại thừa để nói bốn vịnh như sau phân rằng: Nay A-nan như chỗ ông hỏi, Phật Niết-bàn rồi thì y vào đâu mà trụ? Nay A-nan, y vào tứ Niệm xứ nghiêm tâm mà trụ. Quán thân tánh tướng đồng với hư không gọi là Thân niệm xứ. Quán tâm chỉ có danh tự (tên gọi), danh tự tánh lìa, gọi là Tâm niệm xứ. Quán pháp chẳng được thiện pháp và bất thiện pháp thì gọi là Pháp niệm xứ. Hoa Thủ Kinh nói: Tất cả các pháp đều gọi là Niệm xứ. Vì sao thế, vì tất cả các pháp tự tánh thường trụ (còn hoài) không thể hư hoại. Đây chính tức pháp là tâm, tức tâm là pháp, đều đồng một tánh, tánh há có thể hoại?

Tất-kha-ma-la-a-dật-đa, dịch là Chánh cần. Đây có bốn pháp. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Một là ác pháp đã sanh phải trừ dứt. Một tâm tịnh cần khi quán bốn Niệm xứ. Nếu khởi tâm biếng lười thì năm cái phiền não liền che tâm lìa tín v.v... năm thứ thiện cần. Khi các ác đã sanh nhe thế thì phải đoạn dứt, một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện trừ đoạn khiến cho hết. Hai là các ác chưa khi quán bốn niệm xứ, tuy tâm biếng lười và năm cái v.v... các phiền não ác pháp chưa sanh, sợ sau

này sanh ra sẽ ngăn tín v.v... năm thiện căn, nay phải khiến chẳng sanh, nên một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện khiến dừng lại không sanh. Ba là các thiện pháp chưa sanh thì khiến sanh ra, một tâm siêng năng tinh tấn khi quán bốn Niệm xứ, tín v.v... năm thiện căn chưa sanh thì khiến sanh ra, một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện tu tập khiến tín v.v... các thiện căn sanh ra. Bốn là các thiện pháp đã sanh thì khiến tăng trưởng một tâm siêng năng tinh tấn khi quán bốn Niệm xứ thì tín v.v... năm thiện căn đã sanh phải khiến tăng trưởng. Một tâm siêng năng tinh tấn phương tiện tu tập v.v... các thiện căn khiến chẳng lui sụt mà tăng trưởng thành tựu. Bốn thứ này gọi chung là Chánh cần, vì nó pháp tà đạo ở trong chánh đạo mà siêng năng nên gọi Chánh cần.

Ma-nô-thị-nhã (Mamojã), dịch là Như ý. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Bốn Như ý tức: một là Dục như ý tức, Dục là chủ, được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý tức phần ấy là Dục như ý tức; hai là Tinh tấn như ý tức, Tinh tấn là chủ được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý tức phần, ấy là Tinh tấn tức; ba là Tâm như ý, Tâm là chủ được định đoạn hạnh thành tựu tu như ý tức; bốn là Tư duy như ý tức, Tư duy là chủ, nói chung Như ý tức là trong bốn Niệm xứ là thật trí tuệ, trong bốn Chánh cần là chánh tinh tấn. Tinh tấn và trí tuệ tăng nhiều, sức định không yếu được bốn thứ định nhiếp tâm, cho nên trí định lực v.v... chỗ nguyện đều được, nên gọi là Như ý tức trí định nếu thế hay đoạn các kiết sử, cho nên gọi là đoạn hạnh thành tựu.

Bà-la (Bala), dịch là Lực. Ấm Trì Nhập Kinh nói: Lực ấy lấy gì nghĩa? Đáp: Không thể hoại được là nghĩa của lực, có ích là nghĩa của lực, có gan là nghĩa của lực, hay nương được là nghĩa của lực. Tăng Nhất A-hàm nói có sáu thứ lực. Trẻ con kêu khóc là lực, người nữ giận là lực, Sa-môn, Bà-la-môn lấy nhấn nhục làm lực. A-la-hán lấy tinh tấn làm lực. Lại nhân người có năm lực, Phật quả mười lực. Nhân người năm lực tức là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Đại Luận giải thích rằng: Tín căn được lực thì hay quyết định thọ trì chẳng nghi vì lực tinh tấn, thì tuy chưa thấy pháp mà một lòng cầu đạo chẳng tiếc thân mạng chẳng thôi dứt. Vì niệm lực nên thường nhớ thầy dạy, thiện pháp thì nghe vào, ác pháp thì không nghe vào như người giữ cửa định lực thì nhiếp tâm một chỗ chẳng động để giúp trí tuệ. Vì trí tuệ lực, hay như thật mà quán thật tướng các pháp. Phật quả mười lực nay thuật tụng rằng:

Xứ và phi xứ hai nghiệp lực,

Định căn dục tánh chí xứ đạo,

Túc mạng, thiên nhãn, mười lậu tận.

Giải thích đầy đủ trong Đại Luận quyển 88.

Luận hỏi: Mười lực của Phật, nếu nói tướng chung thì Phật chỉ có một lực, đó là Nhất thiết chủng trí lực. Nếu nói tướng riêng thì có ngàn vạn ức lực, tùy pháp làm tên, nay sao chỉ nói có mười lực?

Đáp: Phật thật có vô lượng trí lực chỉ vì chúng sanh chẳng thể được, chẳng thể làm, cho nên không nói. Mười lực ấy có thể so việc chúng sanh mà luận nói có mười lực.

Luận hỏi: Phật có mười lực còn Bồ-tát có không?

Đáp: Có. Thế nào là mười: một là phát tất cả trí tâm bền chắc cố lực, hai là đại từ lực chẳng bỏ chúng sanh, ba là đầy đủ đại bi lực, bốn là tinh tấn lực tất cả Phật pháp, năm là tư hành thiền định lực, sáu là trừ hai biên trí tuệ lực, bảy là thành tựu chúng sanh lực, tám là quán pháp thật tướng lực, chín là vào ba giải thoát môn lực, mười là vô ngại trí lực.

Ni-đề (Pranidhàna), dịch là nguyện. Chí cầu đầy đủ gọi là nguyện. Trí Luận nói có hai thứ nguyện: một là Khả đắc nguyện, hai là Bất khả đắc nguyện. Bất khả đắc nguyện (không thể nguyện) như có người muốn đo lường hư không đến hết bờ bến, và tìm bờ bến của thời gian, như trẻ con thấy trăng trong nước thấy vật trong gương, các nguyện như thế đều chẳng thể được. Còn Khả đắc nguyện (nguyện có thể được) là như dùng gỗ tìm lửa, đào đất được nước. Như tu phước được sanh vào trời, người và được quả A-la-hán, Bích-chi Phật, cho đến được các Phật pháp vương. Như thế đều gọi là đắc nguyện. Nguyện có thượng, trung, hạ. Hạ nguyện thì khiến đương đời được vui. Trung nguyện thì khiến đời sau được vui. Thượng nguyện thì cùng vui với nhân Niết-bàn.

Trí Luận hỏi: Khi Phật còn tại thế chúng sanh còn có đói khát trời chẳng mưa xuống chúng bị nguy khốn Phật chẳng thể làm mãn nguyện tất cả chúng sanh, vì sao Bồ-tát lại làm mãn nguyện được?

Đáp: Bồ-tát trụ ở Thập địa, vào Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, ở Tam thiên Đại thiên thế giới hoặc khi ấy hiện ra người mới phát ý làm hạnh sáu Ba-la-mật cho đến hiện người xuất gia thành Phật mà lợi ích như thế huống là đối với Phật. mà thân Phật có hai thứ: một là Chân thân, hai là Hóa thân. Chúng sanh thấy Chân thân Phật thì không nguyện nào chẳng mãn.

Trí Luận hỏi: Các Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh trị được báo tịnh, đầu cần phải lập nguyện sau đó mới được. Ví như nhà nông được thóc há lại đợi nguyện?

Đáp: Làm phước mà không nguyện thì không đứng vững. Nguyện là đạo ngự (dắt dẫn chế ngự) sẽ có chỗ thành. Thí như dây chuyền

tùy thợ làm ra còn vàng thì vô định. Lại việc lớn trang nghiêm cõi Phật, riêng mình làm công đức thì chẳng thể thành cho nên cần phải có nguyện lực ví như sức trâu tui có thể kéo xe nhưng cần phải có người đánh xe mới có thể đến nơi. Tịnh thế giới nguyện cũng lại như thế. Cho nên Cổ đức nói: Có hạnh mà không nguyện thì hạnh ấy ắt cô độc, có nguyện mà không hạnh thì nguyện ấy ắt đối.

Tát-ba-ca-ma (Sarvakàma), dịch là ưa muốn vui thích mong cầu. Tịnh Danh Sớ nói: Căn là quá khứ, Dục là hiện tại, Tánh là vị lai. Nếu thiện căn quá khứ bền chắc thành tựu thì đời nay đối duyên liền khởi. Đây là nhân căn thành dục (ưa muốn). Nếu thiện căn quá khứ không bền chắc, đời nay gặp duyên khởi dục, tập nhiều thành tánh. Cho nên nói tánh lấy chẳng đối làm nghĩa. Ngài Kinh Khê giải thích rằng: Tập dục thành tánh, là tánh ở vị lai, do tánh thành dục là tánh ở quá khứ. Trí Luận nói: Tùy chỗ muốn mà nói pháp. Chỗ nói thiện dục (dục lành) tùy tâm vì nói như thuyền thuận nước, ác dục dù hết lời dạy bảo như lấy chèo mà sanh chèo. Thế nên trong tể Phật tất khắp biết không gì có thể hoại, không gì hơn được, Sự Sao nói: Phạm làm pháp sự, ắt phải thân tâm đều tập mới thành hòa hợp. Nếu có duyên mà chẳng mở tâm tập thì cơ giáo chẳng đồng lấy gì cứu giúp. Cho nên nghe rồi truyền đến tâm miệng, ải bày trước Tăng sự mới có thể kia đây luận đủ. Duyên đây mà nghe cùng dục nói rằng: Đại đức, nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo tên là... như Pháp Tăng Sự cùng dục thành tịnh. Người thọ dục phải đến trong tăng mà yết-ma. Nói không đến là nói dục. Tức phải đầy đủ oai nghi mà nói rằng: Đại đức tăng nghe rõ, tôi là Tỳ-kheo tên là... tôi thọ dục ấy thanh tịnh, người ấy như Pháp Tăng Sự cùng dục thanh tịnh.

Phù-đàm-mạt, dịch là Chí thành. Kinh Mười Sáu Quán nói: Phát ba thứ tâm thì liền vãng sanh. Những gì là ba tâm: một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là tâm hồi hướng phát nguyện. Sớ giải thích tâm chí thành rằng: Tức thật hạnh chúng sanh, chí là chuyên, thành là thật. Giải thích thâm tâm rằng: Phật quả cao sâu, phát tâm cầu đến nên gọi là thâm tâm. Cũng từ lý sâu mà sanh ra, cũng từ hậu lạc (thích sâu) thiện căn mà sanh ra. Diệu Tôn nói nay mới chí thành, sớ dùng chuyên thật mà giải thích, không phải niệm chân như há gọi là chân thật. Giải về thâm tâm. Sớ tuy ba nghĩa này mà chẳng bỏ nhau cầu quả cao sâu phải kế lý sâu, khéo kế lý sâu phải hậu lạc (thích sâu) thiện căn. Đây chính là lập hạnh y lý mà cầu quả. Chẳng ở ngoài việc luận kia nói lạc tập hợp tất cả các thiện hạnh vậy. Trải qua tâm hồi hướng phát nguyện, nghĩa ở luận ấy nói đại bi cứu khổ. Khởi Tín Luận nói: Tín thành tựu

phát tâm, lược nói có ba: một là trực tâm vi chánh niệm (nhớ) chân như, hai là thâm tâm, là ưa lạc tập hợp tất cả các thiện hạnh, ba là đại bi tâm, là muốn cứu tất cả khổ của chúng sanh.

Sám-ma (Ksama), dịch là hối quá. Sư Nghĩa Tịnh nói: Sam-ma tiếng Tây Vực có nghĩa là nhẫn. Người Tây Vực là xúc thân nói Sám-ma. Ý là xin tha thứ xin chớ giận trách. Phương này lầm truyền từ lâu nên khó sửa lại. Ứng Pháp sư nói: Sám là sai, sách không có chữ sám, gọi đúng là Xoa-ma, dịch là nhẫn, nghĩa là tha thứ tội tôi vậy. Ngài Thiên Thai trong Quang Minh Thích Sám Hối Phẩm nói: Chẳng luận tiếng Hoa Phạm chỉ giải thích thẳng rằng: Sám là thủ, hối là phục. Như người đời bị tội với vua, phục khoán thuận theo chẳng dám trái nghịch chẳng nghịch là phục, thuận theo là thủ. Người tu cũng thế phủ phục dưới chân Tam bảo, chánh thuận đạo lý chẳng dám làm quấy nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là Bạch pháp, hối gọi Hắc pháp. Hắc pháp (tội lỗi) cần phải hối mà chớ làm. Bạch pháp (thiện pháp) cần phải ưa chuộng, lấy bỏ hợp luận, nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là tu lại (tu mới), hối gọi là cải vãng (đổi cũ). Ngày xưa chớ làm pháp bất thiện xấu hổ mà ghét nên gọi là hối, ngày xưa chớ bỏ tất cả thiện pháp, ngày nay trở đi thệ nguyện siêng tu, nên gọi là sám. Bỏ xưa cầu nay nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là vạch bậycc lỗi phát lồ lỗi lầm chẳng dám che giấu. Hối gọi là đoạn tâm nối tiếp, chán hối lia bỏ, năng tác và sở đều bỏ nên gọi là Sám hối. Lại sám gọi là xấu hổ (tủi), hối gọi là mắc cỡ (thẹn). Xấu hổ (tủi) thì xấu hổ với trời, mắc cỡ (thẹn) thì mắc cỡ với người. Người thấy cái rõ ràng, trời thấy cái mờ ám. Mờ ám là tế, rõ ràng là thô, thô tế đều ghét (xấu ác), nên gọi là Sám hối. Tịnh Danh Sở nói: Nay nói tội diệt có ba: một là Tác pháp sám, hai là Quán tướng sám, ba là Quán vô sanh sám. Tác pháp sám là diệt trái không làm tội, y Tỳ-ni môn. Quán tướng sám là diệt tánh tội, đây là y định môn. Quán vô sanh sám là diệt tội vọng tưởng, đây là y tuệ môn. Lại nữa, trái không làm tội chướng là giới, tánh tội chướng là định, vọng tưởng tội chướng là tuệ.

Tác pháp sám, là như luật đã nói: Tác pháp thành tựu thì hay diệt tội trái vô tác (không làm) mà tánh tội chẳng diệt. Đại Luận nói: Như Tỳ-kheo cắt cỏ và hại mạng, hai tội đồng bại. Tác pháp sám thì hai vô tác diệt mà hại mạng không diệt vì tánh tội chưa diệt.

Quán tướng sám, là như các Kinh Phương Đẳng nói về hành pháp, thấy tướng thì tội diệt. Bồ-tát Giới nói: Nếu thấy ánh sáng và hoa các thứ tướng hảo thì tội liền diệt hết. Nếu không thấy tướng thì dầu sám cũng vô ích. Nếu thấy tướng đẹp thì vô tác và tánh, hai tội đều diệt.

Quán vô sanh sám, khi quán này thành thì hay trừ được tội căn bản vọng hoặc như nhổ rễ cây thì cành lá tự diệt. Phổ Hiền Quán nói: Tất cả biển nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sanh, nếu người muốn sám hối, ngồi nghiêm nghĩ thật tướng, các tội như mù sương, tuệ nhật ắt trừ hết.

Địa-đề-ca, dịch là biết xấu hổ (hữu quý). Kinh Niết-bàn nói: Chư Phật Thế Tôn thường nói rằng: Có hai Bạch pháp hay cứu chúng sanh: một là tầm, hai là quý. Tầm là tự chẳng làm tội, quý là chẳng bằng khác làm. Tầm là trong tự xấu hổ, quý là phát lồ với người. Kinh Tạp A-hàm nói: Thế gian nếu có hai pháp Tầm quý thì trái vượt đạo (đường) (vượt ngược đường thanh tịnh) thanh tịnh, hưởng về sanh già bệnh chết. Bách Pháp Số nói: tầm là y sức tự pháp (của mình) tôn trọng hiền thiện làm tánh, đối trị với Vô tầm, ngăn dứt ác làm tánh đối trị với Vô quý, ngăn dứt ác hạnh làm nghiệp. A-tỳ-đạt-ma Luận nói: Tầm là đối các lỗi ác tự xấu hổ làm thể. Quý là đối với các lỗi ác xấu hổ với người khác làm thể. Kinh Niết-bàn nói: Trí có hai: một là không tạo các ác, hai là làm rồi sám hối. Ngũ cũng có hai: một là làm tội, hai là che giấu.

Ba-bà-đề-già, hoặc gọi Phạm ma, dịch là thanh tịnh. Đại Luận nói: Tuy vì tất cả chúng sanh mà tâm ấy không thanh tịnh thì không thân mình không có ngã (vô ngã), chẳng biết người lấy vô nhân vô chủ, chẳng biết thật tánh của vật thí chẳng thể nói một, chẳng thể nói khác. Đối với ba việc (là người thí, người nhận và vật thí) tâm còn đắm trước, ấy là không thanh tịnh. Bảo Tánh Luận nói: Một là tự tánh thanh tịnh nghĩa là tánh thanh tịnh giải thoát. Hai là ly cấu thanh tịnh, nghĩa là chướng hết thì giải thoát. Đại Luận nói: Rốt ráo không tức là rốt ráo thanh tịnh. Vì người sợ không, nên nói thanh tịnh.

Yết-ma (Karma), ngài Nam Sơn dẫn Minh Liễu Luận Số nói: Dịch là nghiệp, chỗ ra làm là nghiệp. Bách Luận gọi là sự (việc làm?). Nếu lấy nghĩa cầu mà dịch là biện sự, nghĩa là tạo tác ra pháp thì có công thành tự. Thiên Thai Thiên Môn dịch là tác pháp tất cả yết-ma cần đủ bốn pháp: một là Pháp, hai là Sự, ba là Nhân, bốn là Giới. 1- Pháp là Yết-ma có ba thứ: Một là Tâm niệm pháp, là phát tâm niệm cảnh miệng tự truyền tình. Không phải gọi chẳng nói mà biện việc trước. Hai là Đối thủ pháp, nghĩa là đều cộng mà đối đồng bình pháp. Ba là Chúng pháp, là bốn người trở lên nắm ở Yết-ma, thông trước đơn bạch nên gọi là bạch bốn. Luật nói: Nếu làm yết-ma chẳng bằng Bạch pháp tác bạch, chẳng bằng yết-ma pháp làm yết-ma. Như thế dần dần khiến giới hủy hoại mà diệt Chánh pháp. Tùy thuận văn cú chớ khiến tăng giảm.

Tăng-kỳ nói: Không phải địa Yết-ma chẳng được làm Tăng Sư.

Bồ-tát (Upavasatha), Đại Luận nói: Tần gọi Thiện túc. Nam Sơn nói: dịch là Tịnh trụ, tức tịnh thân, khẩu, ý như (đúng) giới mà trụ. Nê-hoàn quyển sáu dịch là Trưởng dưỡng (nuôi lớn). Trưởng dưỡng có hai nghĩa: một là thanh tịnh giới trụ, hai là tăng trưởng công đức. Tạp A-hàm nói: Bồ-tát Bà-đà, nếu gọi đúng là Ưu-bổ-đà-bà. Ưu là đoạn dứt, bổ-đà-bà là tăng trưởng, tiếng gọi không đồng. Luật nói: Bồ-tát pháp một chỗ gọi là Bồ-tát Kiên-độ, tức là nói giới. Ứng Pháp sư nói: Tên này lầm gọi tắt, đáng ra gọi là Bát-la-thường-đề-xá-da-mị, dịch là Đối ngã thuyết, tức là hướng nhau mà nói tội của nhau. Xưa gọi là Tịnh trụ là dịch nghĩa. Sự Sao nói: Nếu chúng đồng mà tiếng nói nhỏ quá thì chẳng nghe nói giới, nên khiến chuyển lên tòa cao đứng trên đó mà nói. Đây thì thấy mà chẳng nghe được. Lại như nhiều người nói giới, do đâu mà được thấy mặt người tác pháp. Đây thì nghe mà chẳng thấy. Thiện Kiến nói: Bồ-tát là bỏ các pháp ác bất thiện và các phiền não, có thọ nhận chứng đắc Bạch pháp, vì rốt ráo sự phạm hạnh nên gọi thế. Lại dịch là Bán nguyệt. Là nửa tháng tự xét mình từ nửa tháng trước đến nửa tháng này trong khoảng đó có phạm giới chăng? Nếu có phạm thì đồng ý sám hối. Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu phạm bảy chúng thì người bất tịnh trước phải ngừng không nói giới. Tức luật văn nói người phạm không được nghe giới, không được hướng vào người phạm mà nói. Tứ Phần nói: Nếu ngày nói giới mà không thể tụng thì phải đúng pháp Bồ-tát mà hành trì cáo bạch khiến một người thuyết pháp tụng kinh (nói giới?) dạy các người khác tụng dị giáo (dạy sót?) cũng được. Nếu toàn chẳng hiểu thì luật nói ít nhất một kệ: Các ác chớ làm, các thiện nên làm, tự tịnh ý mình là lời chư Phật dạy. Như thế làm rồi chẳng được chẳng nói. Nếu cũng chẳng hiểu thì nói hãy cẩn thận chớ buông lung rồi giải tán. Ấy đều là lời Phật dặn dò như thế. Tăng-kỳ nói: Muốn được năm sự lợi ích, phải thọ trì (giữ gìn) luật này, thế nào là năm: một là kiến lập Phật pháp, hai là khiến Chánh pháp ở lâu, ba là chẳng muốn có nghi hối thỉnh hỏi người khác, bốn là tăng ni phạm tội làm chỗ nương cậy nhờ, năm là muốn du hóa các phương mà vô ngại. Tứ Phần nói: Người trì luật được năm công đức: một là giới phẩm bền chắc, hai là thiện (khéo) thắng các oán, ba là ở trong chúng quyết đoán không sợ, bốn là có nghi hối thì liền cởi mở, năm là khéo trì Tỳ-ni. Khiến Chánh pháp ở lâu thì Kinh Ma-gia nói: Ưa thích y phục, buông lung chơi giỡn nô là Tỳ-kheo, tỳ là Tỳ-kheo ni, chẳng thích quán bất tịnh, chê bai Tỳ-ni, áo ca-sa đổi thành màu trắng chẳng chịu nhuộm màu xấu, tham dụng các vật của

Tam bảo, đó là tướng pháp diệt.

An-cư, ngài Nam Sơn nói: Hình (thân) tâm nhiếp tịnh gọi là An, yếu hèn ở gọi là cư. Chỗ yên tịnh nghĩ khuôn phép chánh của vi đạo, lý cần ngày rảnh mà gia công, sách tấn, tâm hạnh tùy duyên mượn chỗ chỉ chỉ. Chuộng ích, chẳng cho tán loạn, phòng đạo làm nghiệp (chẳng theo đạo tán loạn hại nghiệp). Cho nên luật thông chế ba thời ý còn cứ đạo. Văn riêng ước tháng hạ tình ở ba lỗi: một là vô cố mà du hành là hại nghiệp tu xuất thế, hai là làm hại vật mạng là trái lòng từ rất sâu, ba là chỗ làm đã quấy nên bị đời chê bai, do lỗi này mà giáo hưng thịnh ở đây. Song các nghĩa đều chỉ về hộ mạng, cho nên trong mùa hạ nơi nào cũng có côn trùng nên Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Trong mùa hạ trừ lúc đại tiểu tiện đều phải ngồi kiết già. Sự Sao hỏi vì sao chỉ kiết hạ trong ba tháng? Một là sanh tử có thân nên phải nhờ nuôi dưỡng, nên kiết ba tháng trước, mở sau một tháng vì muốn thành việc cúng y phục cho thân. Hai là nếu bốn tháng kiết hết thì bốn tháng mười sáu ngày (ngày 16 tháng 48) được thành nếu có sai mất thì liền không được kiết. Giáo pháp rất gấp khó dùng được chuẩn. Cho nên Như Lai thuận vật bắt đầu từ ngày 16 đến ngày 16 tháng sau mở ra một tháng, nối kiết khiến thành. nay chỉ ở mùa hạ cũng có ba thời: một là 16 tháng 4 là tiền An cư, ngày 17 trở đi đến ngày 15 tháng 5 gọi là trung an cư, ngày 16 tháng 5 gọi là hậu An cư. Cho nên trong luật có ba thứ An cư tức tiền - trung - hậu vậy. Chỗ ở phải không có năm lỗi: một là quá xa xóm làng, có việc cần dùng thì khó được, hai là quá gần chợ búa hại nghiệp tu đạo, ba là nơi có nhiều ruồi muỗi chích cắn người, hoặc giậm đạp khiến chết, bốn là không có người nương tựa. Người ấy phải đủ năm đức tức cầu nghe khiến nghe, nghe rồi khiến thanh tịnh hay vì mình quyết nghị, hay khiến thông suốt, trừ tà kiến được Chánh kiến, năm là chỗ không có thí chủ thí cho ăn uống thuốc men. Không có năm lỗi này thì có thể an cư. Sao nói: Phạm ngày thọ nhận điều cần là Tam bảo dạy người sanh thiện diệt ác, nếu cho vì lợi Tam bảo mà làm việc phi pháp phá giới có nạn tuy thọ cũng chẳng thành. Ngũ Bách Vấn nói: Thọ làm bảy ngày, nếu chẳng đủ bảy ngày mà trở về chỗ cũ, sau lại làm thí chẳng cần thọ lại. Đủ bảy ngày rồi thì phải thọ lại. Sao nói: Dẫn khiến việc trước chỉ ngưng một ngày đều phải theo pháp bảy ngày. Luật nói chẳng họp trong ngày trở về thì cho thọ bảy ngày đi. Cuối hạ một ngày ở cũng làm phép bảy ngày. Đối đầu thọ pháp phải đủ nghi đối với Tỳ-kheo mà nói rằng: Đại đức một lòng nghĩm con Tỳ-kheo tên là... nay thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới để làm việc... sẽ trở lại đây mà trung An cư (nói ba lần)

nếu việc trong nửa tháng hay một tháng thì phải yết-ma. Nếu ngày thọ hay nhiều đồng duyên thọ thì hai, ba người phải một lúc yết-ma, Tây Vực Ký gọi là nước Đổ-hóa-la. Xưa lắm gọi là nước Thổ-hỏa-la, Đông có Thông lãnh, Tây giáp với Ba-lạ-tư, Nam có đại Tuyết sơn, Bắc tiếp Thiết môn, khí hậu nóng lên tạt dịch rất nhiều, cuối đông đầu xuân, mưa sương nối nhau mà chừ tăng lấy ngày 16 tháng 12 vào An cư, đến ngày 10 tháng 3 thì giải An cư. Đây là do có nhiều mưa mà lập giáo tùy lúc vậy. Lại nói tăng chúng Ấn Độ y theo giáo Phật ngồi mưa mà an cư hoặc trước ba tháng hoặc sau ba tháng. Trước ba tháng thì phải từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8. Sau ba tháng thì từ 16 tháng 6 đến 15 tháng 9. Đời trước người dịch kinh luận gọi là Tọa hạ hoặc gọi Tọa lập. Đây đều theo thói tục nước ngoài chưa thông đến Trung Quốc hoặc theo tiếng địa phương thổ ngữ chưa khắp mà truyền dịch có nhầm lẫn. Lại nói tăng đồ Ấn Độ y theo thánh giáo đều lấy tháng Thất-la-phạt-noa trước nửa ngày mà vào Vũ an cư, tức ngang với ngày 16 tháng 5. lấy tháng Át-thấp-phước-dữ-xà nửa ngày 15 sau mà giải Vũ an cư, tức ngang với ngày 15 tháng 8 vậy. Tên tháng ở Ấn Độ theo tên sao mà lập, xưa nay không đổi, các bộ không sai, bởi vì phương ngôn chưa thông nên truyền dịch có nhầm, phân chia ngày tháng đến nỗi trái khác nhau, bèn lấy ngày 16 tháng 4 mà vào an cư và ngày 15 tháng 7 mà giải an cư vậy.

Bát-lạt-bà-lạt-noa (Pravarana), Âm Nghĩa Chỉ Quy nói: Dịch là tùy ý. Ký Quy Truyện nói: Phạm lúc cuối hạ hết năm, ngày này phải gọi là tùy ý tức là tùy người khác ở ba việc, mặc tình nói tội để trừ lỗi. Xưa gọi là tự tứ là dịch nghĩa. Song nói tự tứ thì có cả thiện ác, nay chỉ nói về thiện. Cho nên Sự Sao nói: Chín tuần tu đạo tinh luyện thân tâm, người nhiều mê mình chẳng tự thấy lỗi của mình, mặc tình tăng nói lỗi trong tự nêu bày không giấu giếm, ngoài nêu các lỗi lầm thì vết về thân khẩu nhờ người khác nói. Nên gọi là tự tứ. Ma-đắc-đặc-già Luận hỏi: Vì sao khiến phải tự tứ, vì khiến các Tỳ-kheo chẳng cô độc, cho nên đều phải nhớ tội mà phát lồ hối lỗi. Dùng lời đấng để điều phục cho được thanh tịnh, tự ý vui mừng là không tội. Do đó bày ra ở cuối hạ. Còn ở đầu hạ thì lập cam kết chín mươi ngày tu tập đạo xuất ly, nếu trái nghịch mà nêu lỗi và gây oán hận, do đó mà bỏ đạo loạn nghiệp, cho nên chế lập ở cuối hạ để ba tháng cùng khuyên gắng nhau tu tiến đạo nghiệp. Khi mãn hạ rồi thì mỗi người một phương, ắt ác nghiệp chẳng thể riêng nói mà chương đạo càng sâu. Nghĩa không che giấu nên phải thỉnh hối là do đó. Cho nên luật dạy cuối an cư phải tự tứ. Đây là nói người khác mặc tình nói tội, không phải tự tứ là xấu ác. trước nói thời

tiết về tháng nhuận, trong Ma-đắc-già nói: Mãn chín mươi ngày thì tự tứ, nếu nhuận tháng 7 phải lấy tháng 7 trước mà tự tứ. Không phải hạ an cư trước thì qua tháng nhuận đủ chín mươi ngày mới tự tứ. Nếu tu đạo an lạc đợi ngày tự tứ được đến 15 tháng 8, song trong luật chỉ nói tự tứ vào ngày 14, 15, và khi cấp thí y thì thứ lớp tăng lên ngày 16, tăng trong ba ngày tự tứ. Tứ Phần nói: An cư xong rồi tự tứ thì lấy ngày 16 tháng 7 làm định. Luật lại nói: Ngày 14 tăng tự tứ, ngày 15 ni tự tứ. Đây gọi là nương nhau hỏi tội, cho nên chế ra khác ngày. Luận về Tác pháp thì ba ngày là thông dụng, nhất định là vào ngày 16. nếu có hỏi thì như trong Ngũ Bá Vấn nói: Một tháng tự tứ (tự tứ trong một tháng?).

Sự Sao hỏi: Ngày 15 tự tứ rồi được ra khỏi giới không?

Đáp: Chẳng được phá hạ lìa y do phần đêm chưa hết.

Hỏi: Giới an cư ở đây mà tự tứ ở chỗ khác được không?

Đáp: Tăng-kỳ nói không có tội.

Lại An Cư Thiên nói: Ngày 16 tháng 4 kiết đến hết nửa đêm ngày 15 tháng 7 thì gọi là hạ xong, đến sáng ra. Lại Tứ Phần nói: Nếu người hậu An cư mà theo người tiền An cư tự tứ thì phải đợi đủ ngày.

Sự Sao hỏi: Tự tứ xong được nói giới chẳng?

Đáp: Minh Liễu Luận nói: Trước nói giới sau mới tự tứ. Tứ Phần nói: Tự tứ tức là nói giới.

Hỏi: Tự tứ có được ở trước người chưa thọ cụ giới mà làm chẳng?

Đáp: Trong luật khiến đến chẳng thấy chỗ chẳng nghe làm yết-ma tự tứ. Nếu chẳng chịu thì tránh đi. Tăng tự đến chẳng thấy nghe chỗ làm.

Hỏi: An cư rồi phải lìa chỗ cũ chẳng?

Đáp: An cư rồi không đi thì phạm tội. Tỳ-ni Mẫu nói: Tỳ-kheo an cư rồi phải dời chỗ khác. Nếu không duyên mà ra giới một đêm lại trở về thì không phạm. Đại Tập Kinh nói: Ta diệt độ rồi Tỳ-kheo không giới đầy khắp Diêm-phù-đề. Người dự bị xuất gia phải rất cảnh giác. Chích Hoa Sao nói: Các kinh luật lấy ngày 16 tháng 7 xem là năm mới sanh của năm phần pháp thân của Tỳ-kheo thì ngày 15 tháng 7 là lạp trừ (đêm trừ tịch, cuối năm) Tỳ-kheo xuất tục nên không kể năm tục, chỉ đến số hạ lạp mà thôi. Tăng Huy nói: Lạp là tiếp, nghĩa là mới cũ giao tiếp nhau.

Bái-nặc, hoặc Phạm bối, dịch là chỉ, nếu theo luật văn thì Bái-nặc là như pháp. Xuất Yếu Luật Nghi nói: Dịch là như đây, tiếng nước Uất-bệ(tỳ), dịch là đoạn chỉ (ngăn đứt). Lại gọi là chỉ tức, là do ngoại duyên đã đứt đã đoạn, bây giờ vắng lặng, mặc tình làm Pháp sư. Hoặc

gọi Bà-thiệt là sai, tiếng Phạm là Bà-sư, dịch là tán thán (khen ngợi) là tiếng Phạm thiên. Thiện Kiến nói: Cho ông là báỉ, báỉ là từ (lời nói). Pháp Uyển nói: Tìm Tây phương có báỉ, cũng như tán ở Đông quốc. Tán (khen) là từ văn kết thành chương, báỉ là kệ ngắn làm tụng, so nghĩa và việc thì tên khác mà việc đồng. Bà-sa-ức-nhĩ lấy tiếng ba kệ tụng mà giải pháp. Phật khen lành thay! Chân Lâm Tề Tăng Luận hay làm phạm kệ v. rõ ràng Âm Nghĩa nói: Chữ kệ như nói một tiết, một khoa vậy. Hoàng Minh Tập Tụng Kinh ba kệ. Đạo An Pháp sư tập kệ Phạm âm. Phật Đạo Luận Hành nói: Trần Tư Vương ấu hàm (tuổi nhỏ được hàm khuê chương), 10 tuổi làm văn, mỗi khi đọc văn kinh thì khóc lóc khen hay, xem là cực tông của chí đạo. Bèn làm tụng bảy tiếng đọc lên ngân nga cao thấp. Đời có Phúng tụng là Hàm Hiến Chương từng dạy Ngư sơn bỗng nghe trên không trung có tiếng Phạm thiên, thanh dương ai uyển tiếng ấy động tâm nghe rất lâu mà kẻ hầu không nghe thấy gì bèn cảm thần lý, Di Ngộ Pháp Ứng bèn mộ tiếng tiết mà soạn văn Phạm bối.

Bà-xà-ni-ta-bà-lâm, dịch là thanh âm. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Âm là tiếng thuyên lý gọi là âm. Phật lên tiếng, phàm có chỗ nói bàn thì lời lẽ thanh nhã, người nghe không chán, nghe không biết đủ, hay làm tất cả, làm nhân duyên cho vui cứu khổ, không gì bằng lợi ích nghe tiếng tức là dùng từ mà tu miệng. Cho nên có tám âm: một là âm rất hay, hai là âm dịu dàng, ba là âm hòa thích, bốn là âm tôn tuệ, năm là âm chẳng người nữ, sáu là âm không sai lầm, bảy là âm sâu xa, tám là âm chẳng hết. Lăng-nghiêm nói: Chân giáo thể phương này thanh tịnh ở âm thanh, muốn lấy Tam-ma-đề, thật lấy nghe mà vào. Đại Luận nói: Bồ-tát có hằng hà sa số âm thanh, âm thanh Phật cũng vô số. Như Kinh Mật Tích nói: Mục-liên thử tiếng nói Phật, ở cực cùng phương Tây cũng nghe tiếng Phật như ở trước mặt.

Hỏi: Nếu thế Phật thường ở tại cõi nước xóm làng thuyết pháp giáo hóa mà người trong cõi Diêm-phù-đề không đến bên Phật thì chẳng được nghe, làm sao biết có nhiều người từ phương xa đến muốn nghe thuyết pháp?

Đáp: Âm thanh Phật có hai thứ: một là âm thanh mật khẩu, hai là âm thanh chẳng mật khẩu. Mật khẩu âm thanh như trước đã nói, âm thanh chẳng mật khẩu phải đến bên Phật mới nghe. Cũng có hai thứ đệ tử: một là thánh nhân xuất thế, hai là thế gian phàm phu. Thánh nhân xuất thế như Mục-kiền-liên v.v... hay nghe âm thanh vi mật còn người phàm phu phải đến gần mới nghe. Đại Luận nói: Âm thanh Phật, Bồ-tát

có ba thứ: một là đời trước có trồng nhiều thiện âm thanh nhân duyên (nhân duyên tiếng tốt) nên trong cổ họng được bốn đại vi diệu hay phát ra các thứ tiếng hay xa gần (vang xa) một dặm, hai dặm, ba dặm, mười dặm, trăm ngàn dặm cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới tiếng đều đầy khắp; hai là sức thần thông cổ họng bốn đại ra tiếng thì cùng khắp đến ba ngàn Đại thiên thế giới và Hằng hà sa thế giới mười phương; ba là âm thanh (tiếng) Phật luôn cùng khắp hư không mười phương.

Hỏi: Nếu âm thanh thường hay cùng khắp mà sao chúng sanh ngày nay chẳng được nghe?

Đáp: Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, bị các ác nghiệp đã làm che bít nên không nghe. Ví như sấm sét ồn ào mà người điếc không nghe, mà tiếng sấm không giảm. Phật cũng như thế thường vì chúng sanh nói pháp, rỗng làm tiếng sấm vang xa, chúng sanh vì tội nên tự không nghe.

Tiếng có tám chuyển: một là thể, hai là nghiệp, ba là cụ, bốn là vi, năm là tưng, sáu là thuộc, bảy là ư, tám là hô. Bảy chuyển thường dùng, tiếng hô ít dùng, cho nên chỉ nói bảy thứ. Theo phép nước Tây Vực muốn tìm đọc sách vở trong ngoài (nội ngoại) cần phải hiểu tiếng và luận tám chuyển, mới biết văn nghĩa rõ ràng. Một là Bộ-sa, đây là tiếng chỉ thẳng, như người chặt cây chỉ nói người ấy tức kim thể thính. Hai là Bộ lô-sam, là tiếng tác nghiệp (làm nghề?), như nghề chặt cây. Ba là Bộ lô-tư-noa, là tiếng hay làm đồ, như do búa chặt thì gọi là đồ chặt cây. Bốn là Bộ lô-sa-da, là tiếng chỉ người làm như làm người chặt cây. Năm là Bộ lô-sa-đỏa, là tiếng từ, như người tạo nhà thì gọi là từ, tức là nhân. Sáu là Bộ lô-sát-ta, là tiếng thuộc về, như nô tỳ thuộc chủ. Bảy là Bộ lô-giới, là tiếng ở, như khách nương chủ, tức là ở, nương. Tám là Khế bộ lô-sa, là tiếng gọi mời, nên gọi là hô. Lại trong các chú, hai chữ hợp làm một tiếng thì gọi là nhị hợp, như nói ta-tha và đất-đa v.v... Hoặc dùng ba chữ liền nhau hợp làm một chữ, đọc nhanh lên thì gọi là tam hợp, như độc-lỗ-am và câu-lô-xá v.v... Hán Thư nói: Tiếng là cung thương giốc trũng vũ. Câu Ấn Độ nói: Tiếng thuộc dương, luật, thuộc âm. Dương Tử nói: Tiếng sanh bởi mặt trời, luật sanh bởi ngôi sao.

Bát-đế-bà (Sarasvatī?), dịch là biện tài, tức tài biện thuyết xoay vần không trệ nên biện biệt giỏi, quyết liễu rõ ràng. Phụ Hành nói: Biện có bốn thứ là nghĩa, pháp, từ và lạc thuyết. 1- Nghĩa, tức là hiển bày rõ nghĩa các pháp. 2- Pháp, tức là nói tên các pháp. 3- Từ, tức là lời lẽ bàn về các pháp. Tuy có ba thứ này nhưng cần phải ưa nói (lạc thuyết) thật hay về ba thứ trước. Đại Phẩm nói: Từ chỗ chư Phật nghe

nhận giáo pháp đến Tát-bà-nhã từ đầu không dứt. Khi chưa lìa Tam-muội sẽ được. Tiệp tận biện, lợi biện, bất tận biện, bất khả đoạn biện, tùy ứng biện, nghĩa biện, nhất thiết thế gian tối thượng biện...

Trí Luận nói: Đối với tất cả pháp vô ngại nên được Tiệp tận biện (nhánh chóng). Có người tuy nhanh chóng song vì độn căn nên không thể vào sâu, vì hay vào sâu nên được lợi biện (trôi chảy). Nói các pháp thật tướng vô biên vô tận nên gọi là Lạc thuyết vô tận. Trong Bát-nhã không có các hý luận (bàn chơi), cho nên không thể vấn nạn dứt hết, nên gọi là biện bất khả đoạn (biện chẳng thể dứt). Vì đoạn pháp ái nên tùy chúng sanh cần mà vì họ nói pháp nên gọi là tùy ứng biện. Nói việc lợi ích đến Niết-bàn nên gọi là nghĩa biện. Nói việc tất cả bậc nhất ở thế gian, tức là Đại thừa nên gọi là thế gian tối thượng biện.

Lương Tăng Truyện nói: Việc quý của nói dốt có bốn: một là tiếng, chẳng có tiếng thì không thể nhắc nhở chúng, hai là biện, nếu không có biện thì không thích thời, ba là tài, nếu không có tài lời không thể biện, bốn là bác, nếu không có bác (biết rộng) thò lời không có y cứ. Sự Sao nói: Xưa nói bác học (học rộng) là cứu nghèo. Hội Chánh Ký nói: Lời nói cũ xưa. Tăng Truyện nói: Học chẳng chán rộng, rộng thì thông. Khổng Tử nói: Quân tử bác học ở văn, lấy lễ mà ước cũng có thể không bờ bến. Nếu sống mà nghèo thì ở (tối với) học là Nho phu, nếu ở chết mà giàu thì ở (đối với) đạo là quân tử. Thế nên biết bác học là cứu nghèo của kiến thức. Tư Ích nói: Đối với chúng sanh bị đọa lạc nơi tà đạo thì sanh tâm đại bi (thương xót) khiến vào chánh đạo, không cầu trả ơn, nên gọi là Đạo sư.

Bàn-na-mi (Vaudana), gọi là Thanh luận hoặc Bàn-đàm, gọi là Hòa nam đều dịch là Ngã lễ. Hoặc gọi Na-mô-tát-yết-la, dịch là lễ bái. Nay nói lễ và bái tuy tên có thông, nhưng cục có dài ngắn. Kinh nói lễ là lý, tức tới lui có mức độ, lớn nhỏ có phần, nên gọi là lễ. Lễ Ký nói: Lễ cũng là thể. Thể không đủ thì quân tử nói chẳng thành người. Nên Khổng Tử nói: Chẳng phải lễ chớ nhìn, chẳng phải lễ chớ nghe, chẳng phải lễ chớ nói, chẳng phải lễ chớ động. Thế thì phạm chỗ ra làm đều phải hợp lễ. Đây là nêu tên lễ gọi thông. Bạch Hổ Thông nói: Người bái nhau là sao, do đó mà bày tình thấy ý các khuất tiết về tôn ti của lễ sự. Bái tức là Phục. Cho nên Chu Lễ nói chín bái. Đây là nêu tên Bái gọi Cục. Nêu y vào Thích thị như Nam Sơn nói: Bốn oai nghi nếu không pháp nhuận bèn gọi là khô cao chúng sanh. Cho nên ngài Thiên Thai nói: Bốn pháp Tam-muội, thì biết bốn nghi pháp gọi là Lễ, thân nghiệp cung kính gọi là Bái. Đây cũng là lễ thông bái cục vậy (lễ là chung,

bái là hạn cục). Nay dịch lễ là bái. Nên Đại Luận nói: Lễ có ba: một là khấu lễ (miệng lễ), hai là quỳ gối mà đầu không đụng đất, ba là đầu đụng đất. Đó là thượng lễ.

Một là Khấu lễ, là như chấp tay hỏi thăm nhau. Quán Âm Nghĩa Sơ nói: Phương này lấy vòng tay là cung kính, ngoại quốc lấy chấp tay là cung kính. Tay vốn ở bên nay hợp làm một là biểu thị chẳng tán đản (tán loạn) mà chuyên về một lòng. Tăng-kỳ Luật nói: Lễ bái chẳng được như dê cam, phải hỏi thăm nhau. Nhĩ Nhã nói: Tấn là nói. Địa Trì Luận nói: Phải an ủi, vui vẻ khi nói, nhìn ngang, hòa sắc chánh niệm trước khi hỏi thăm. Thiện Kiến Luận nói: Tỳ-kheo đến chỗ Phật thăm hỏi rằng có ít bệnh ít nã, có an lạc chăng.

Hai là quỳ gối, tức là quỳ xuống. Âm Nghĩa Chỉ Quy nói: Chẳng hợp gọi là hồ qui. Bởi Phạm thế là giống còn sót lại (để giống lại?) ở Ngũ Trúc, ở phía Bắc Thông lãnh có các giống rợ Nhung Khương Hồ. Nay kinh luật đã dịch là Hồ quỳ lấy ba chỗ kiêu tủng (còn cao) nên gọi là Hồ quỳ, tức là gối hữu đụng đất. Niết-bàn Sơ nói ba nghĩa: một là gối hữu có sức quỳ yên lâu, hai là gối hữu có sức đứng dậy nhanh, ba là gối hữu cử động hay đụng đất khiến an. Nếu hai gối đều chạm đất thì gọi là Trường quỳ. Tỳ-nại-da nói: Ni nữ thể yếu, hồ quỳ ất ngã nên Phật cho trường quỳ (quỳ mọp hai gối).

Ba là đầu chạm đất, tức năm vóc sát đất. Nên Đại Luận nói: Thân người đầu là cao nhất, chân là thấp nhất, lấy đầu mà lạy dưới chân là cung kính hết mức. Phụ Hành nói: Theo Địa Trì, A-hàm thì đều nói hai gối, hai cùi chỏ và đầu chạm đất gọi là năm thể đầu địa, cũng gọi là năm luận, vì năm chỗ tròn vậy. Lại Lạc-na Tam Tạng nói: Có bảy thứ lễ: một là ngã mạn lễ, nghĩa là ý chức tước không có tâm cung kính, hai là xướng họa lễ, là lớn tiếng ồn ào lời câu lộn xộn, ba là cung kính lễ, tức năm luân chạm đất, hai nâng chân ân cần, bốn là vô tướng lễ, là thân nhập pháp tánh lìa tướng năng sở (không quán), năm là khởi dung lễ, tuy không năng sở khắp vận thân tâm như ảnh biến khắp lễ chẳng thể lễ (giả quán), sáu là nội quán lễ, là chỉ lễ pháp thân chân Phật trong thân chẳng hướng bên ngoài mà cầu (trung quán), bảy là thật tướng lễ, là hoặc trong hoặc ngoài đồng một thật tướng (ba đế một cảnh). Tây Vực Ký nói: Pháp Chí Kính thì nghi có chín: một là phát lời thăm hỏi, hai là cúi đầu bày kính, ba là giơ cao tay vái chào, bốn là chấp tay vòng hầu, năm là gập gối, sáu là trường quỳ (quỳ mọp hai gối) (sáu và bảy giống y nhau?), bảy là gối đụng đất, tám là năm luân đều co gập, chín là cả năm thể đều chạm đất. Phạm chín thứ lễ này duy nhất chỉ một bái

quỳ mà khen đức, gọi là tận kính. Kinh Xá-lợi-phất hỏi nói: Phật bảo: Khi cúng dường phải bày vai mà tiện làm việc. Bậc phước điền thì phải che kín hai vai để bày tượng phước. Bất Bái Vương Luận nói: Có Tín sĩ năm giới thấy, thần chẳng lễ. Vua hỏi: Sao chẳng lễ (lạy)? Đáp: Sợ thần tổn phước. Vua bảo: Cứ lễ đi. Tín sĩ bèn lễ thì tượng thần vỡ tan. Lại vua Ca-ni-sắc-ca thọ năm giới của Phật vào lễ miếu thần thì tượng thần đổ sụp. Sau người giữ miếu làm tượng Phật để trên mào của thần, vua lễ thì không sao, lấy làm lạ hỏi, thì đáp trong mào thần có hình tượng Phật. vua rất mừng, biết Phật là hơn hết mà khoan thứ. Lại Cẩm Thông Lục nói: Đường Thục Xuyên có Thích Bảo Quỳnh xuất gia ăn chay đọc tụng Đại Phẩm. Bốn ấp có liên tử thập phương (so sánh các thứ) đều thuộc họ gạo nên không đem cúng Phật, Sa-môn không vào làng ấy, cho nên các bà cô không biết chúng ấy (là đông?), Quỳnh nghĩ cách cứu giúp, đợi khi hội chúng bèn đến ngồi mà không lễ, chúng đạo đều nói không lạy Thiên Tôn không phải là Sa-môn. Quỳnh nói: Tà chánh khác đường chỗ thờ đều khác, trời còn lễ ta sao ta được lễ lão quân. Chúng bàn tán phân vân, Quỳnh nói: Nếu ta lễ xuống ắt tặng nhục, rồi lễ một lạy thì tòa ngồi các tượng đầy lay động không yên, lễ một lạy nữa thì rơi ngổn ngang xuống đất. Bèn họp chúng lễ Quỳnh mà đồng tin tưởng. Kinh Phạm Võng nói: Phép người xuất gia chẳng phải lạy vua, chẳng lạy cha mẹ, sáu thân chẳng kính, quý thần chẳng lễ. Tây Vực Ký nói: Xưa có Đức Quang luận sư tiếp lên gặp Từ Thị, thì bảo Ngài ấy không mang hình thức xuất gia nên chỉ vái dài mà không lễ. Hỏi vì sao không khinh Tỳ-kheo mà khắp lễ bốn chúng, ngài Kinh Khê giải thích rằng: Bồ-tát hóa duyên không theo một phép chỉ lợi là làm, cho nên bày nghi này. Chúng sanh thấy lý cùng quả lý bằng nhau cho nên lễ chúng sanh hay lễ Phật thì nguồn gốc chẳng khác vì muốn khiến mền mộ quả nguyện, quả nguyện là sao? Chúng ta chỉ là lý họ chuộng nên lễ hướng đã chứng quả lý mà không tôn cao ư? Lại nói: Các ông đều làm đạo Bồ-tát ắt sẽ được làm Phật, há không phải là kích ngã (kích thích ta) khiến tu viên nhân. Đây là ước hiện tại mà thuận thọ. Hỏi: Trong ôm giải (hiểu) chẳng khinh ngoài kính cảnh chẳng khinh (ngài Bất Khinh?) sao bỏ chân tánh phi cầm mà xao nhãng (chạy theo?) gốc nguồn tẩu thứ? Đáp: Người biết nghĩa mới có thể kích phát dị loại (cầm thú) mà biết uổng nhọc khuyên tin, ý chỉ chẳng lễ là ở đó ư? Chẳng khinh (ngài Bất Khinh?) lễ tục, kính cần nghe lệnh. Vì sao trong Phương Trượng Tăng Lễ Duy-ma, cho nên kinh ấy nói: Duy-ma cư sĩ tự vào Tam-muội khiến Tỳ-kheo này tợb tức mạng đã phát tâm Bồ-đề, do đó các Tỳ-kheo này cúi đầu kính lạy dưới

chân Duy-ma-cật. Thiên Thai hỏi: Xuất gia sao còn lễ tục? Đáp: Ân sâu khiến vào đạo nát thân cũng khó đáp đền, các Tỳ-kheo này mới làm đại đạo há giữ tiểu nghi. Lại Kinh Niết-bàn nói: Có người biết pháp hoặc già hoặc trẻ nên phải cung kính cúng dường lễ bái. Nhập Đại thừa Luận nói: Mặc pháp phục Bồ-tát phương tiện tùy thuận được lễ kẻ bạch y kính trọng như Phật, đó là pháp chẳng phải một loạt. Sao không thể ở người có ích thì lễ, phải quên thân mình mà phụng pháp có tổn liền thôi, chẳng phải nghịch mang để lợi vua là gì? Hách liên bột bột cứ (bàn cơ) có người ở Hạ châu hung bạo không chán giết người làm vui, vẽ tượng mang vào mình bắt tăng phải lay, bèn bị trời sét đánh chết. Đây chủ bạo ngược không phải là vua thánh minh chẳng tuân lời Phật dạy dò nên trái lời ký thác. Đâu biết ngàn Thánh lập pháp muôn xưa đồng phong, sao lấy lễ triều đình mà trách người tu hành. Chỉ sợ người sau chưa biết nên nhu hào mà chép bày.

Nam-mô (Namas), hoặc na-mô hay nam-ma, dịch là quy mạng. Yếu Luật Nghi dịch là cung kính. Luật Thiện Kiến dịch là quy mạng giác, hoặc dịch tin theo. Pháp Hoa Sớ nói: Nam-mô có nghĩa là Đại hữu, hoặc nói độ ngã. Có thể là nói chúng sanh, nếu Phật đáp chư Phật mà nói là độ ngã thì bất tiện. Kinh Năm Giới gọi là Kính bố. Kính bố có thể chánh nói Phật, hiếm nạn sanh tử thật đáng kính sợ. Đại Phẩm nói: Phật bảo nếu có một người niệm nam-mô Phật cho đến hết khổ thì phước bất tận. Trí Luận hỏi rằng: Vì sao chỉ không mà xưng tên (gọi Phật không chẳng có tên gì?) mà được hết khổ và phước bất tận? Đáp rằng: Người ấy từng nghe công đức Phật độ được các khổ lão, bệnh, tử, hoặc nhiều hoặc ít cúng dường và xưng danh hiệu thì được vô lượng phước. Hoa Nghiêm nói: Thà chịu khổ địa ngục mà được nghe tên chư Phật, chẳng chịu hưởng vô lượng vui mà không được nghe tên Phật. Do đó từ xưa vô số kiếp mãi bị trôi giạt trong sanh tử vì không nghe tên Phật Đại Phẩm nói: Khi ta được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề thì chúng sanh trong mười phương qua hằng sa thế giới ai nghe tên ta ắt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Trí luận hỏi: Có người sanh trong Phật pháp khi Phật còn tại thế hoặc bị đọa địa ngục như Đề-bà-đạt-đa, Cu-ca-lê, Ha-đa-thích-tử (quở trách nhiều thức thứ) v.v... ba thứ thiện pháp che tâm mà đọa địa ngục. Trong đây vì sao lại nói chúng sanh trong hằng sa thế giới chỉ nghe tên Phật thì liền được Đạo? Đáp rằng: Có chúng sanh phước đức thuần thực, các kiết sử ở tâm rất mỏng nên sẽ được đạo. Nếu nghe tên Phật liền trì thì được Đạo. Lại nữa, vì oai lực của Phật nên nghe tên thì liền được độ. Ví như mặt ghẻ chín mùi mà không trị khi gặp

nhân nhỏ thì liền vỡ ra. Như quả chín nếu không người hái, gặp gió nhẹ thì liền rụng, như vải lụa trắng tinh dễ nhuộm màu.

Di-la (Maitri), dịch là Từ. Tịnh Giác nói: Từ gọi là Ái niệm. Quan Âm Huyền Nghĩa nói: Vì quán tánh Đức Thiện ưa thích vui mừng liền khởi tâm đại bi mà muốn cho vui. Đại kinh nói: Từ có ba thứ: Một là duyên với chúng sanh, là quán tất cả chúng sanh như cha mẹ thân thích; hai là Duyên với Pháp là thấy tất cả pháp đều từ duyên sanh; ba là Vô duyên, là chẳng trụ vào pháp tướng và chúng sanh tướng. Trí Luận nói: Có ba thứ Từ: Một là sanh duyên Từ là chúng sanh trong mười phương năm đạo lấy một tâm từ mà nhìn như cha mẹ anh chị em con cháu tri thức, thường cầu việc tốt muốn khiến họ được lợi ích an lạc. Tâm như thế biến khắp trong chúng sanh ở mười phương. Từ như thế gọi là chúng sanh duyên, phần nhiều là chỗ làm của người phạm phu hay người học chưa được lậu tận; hai là Hành pháp duyên, các La-hán lậu tận và Bích-chi Phật là các Thánh nhân đã phá ngã tướng, diệt tướng một và khác, cho nên chỉ quán theo nhân duyên nối tiếp sanh các dục tâm, thương xót (từ niệm) chúng sanh từ nhân duyên hòa hợp tiếp nối sanh ra chỉ không năm chúng tức là chúng sanh nghĩ là năm chúng vì từ niệm (thương xót) chúng sanh không biết là pháp không mà luôn một lòng muốn được vui. Thánh nhân thương xót khiến tùy ý được vui, là pháp thế tục nên gọi là Pháp Duyên; ba là Vô duyên, Từ ấy chỉ chư Phật mới có, vì sao, vì tâm chư Phật không trụ vào tánh Hữu vi vô vi, không nương cậy vào đời quá khứ vị lai hiện tại. Biết các duyên là chẳng thật, điên đảo hư vọng (đối trá) cho nên tâm không duyên đến Phật vì chúng sanh chẳng biết các pháp thật tướng mà qua lại năm đạo, tâm mê đắm các pháp, phân biệt lấy bỏ, đem các pháp thật tướng trí tuệ ấy khiến chúng sanh được nên gọi là Vô duyên.

Ca-lâu-na (Karunà), dịch là Bi. Tịnh Giác Ký nói: Bi là mẫn thương (thương xót). Quan Âm Huyền Ký nói: Vì quán tánh đức ác độc mà trặc ẩn thương xót khởi tâm đại bi muốn cứu khổ ấy. Bi ấy cũng có ba thứ, có tên đồng với ba từ đã nói. Quan Âm Huyền Ký nói: Nếu nói cho tiện thì trước từ sau bi, cũng là bốn hoài (chỗ mong muốn) của Bồ-tát muốn đem đại từ mà ban vui. Đã chẳng được vui bèn lấy đại bi mà cứu khổ. Cho nên trước từ sau bi. Nếu theo thứ tự thì trước phải dùng đại bi mà cứu khổ rồi sau mới đem đại từ mà ban vui. Nói về hành giả thì trước phải thoát khổ rồi sau mới mong vui. Cho nên trước phải bi rồi sau mới từ.

A-đàn (Anàtman) hoặc gọi A-nại-ma, dịch là vô ngã. Thuyết Văn

nói: Ngã là gọi thân mình. Hoa Nghiêm nói: Phạm phu không có trí chấp trước ở ngã. Trí luận nói có hai thứ: Một là Tà ngã, hai là Mạn ngã.

1/ Tà ngã là như Phụ Hành nói: Kẻ chửi được thiền nếu khởi tập xưa chỗ có phiền não và nhân hiện ấm, mà khởi ngã kiến. Nhưng vẫn thuộc độn sử, sơ quả chỗ đoạn. Đây suy lý kiến (mà thấy) và phát được kiến (thấy) đều gọi là Tà ngã.

2/ Mạn ngã, như Chỉ Quán nói: Như các loài máy động thật chẳng suy lý mà tự nổi giận phùng mang trợn mắt tự đại, xem mọi người là kém cõi thì đâu từng chấp kiến, đi đứng ngồì nằm luôn khởi tâm ngã. Đây là Mạn ngã.

Trong kinh Đại Bảo Tích Phật bảo Ca-diếp rằng: Ví như bệnh nghệt họng có thể chết. Như thế Ca-diếp, trong tất cả kiến chỉ có ngã kiến tức thời làm chết mạng trí tuệ. Kinh Địa Trì nói: Thọ sanh ở thế gian, đều do đắm trước ngã, nếu lìa đắm trước ngã thì thế gian không có chỗ thọ sanh thân. Vô Trước Luận nói: Lấy tự thể tiếp nối làm ngã tướng, lấy ngã sở làm chúng sanh tướng, gọi ngã cho đến thọ trụ làm mạng tướng, xoay vần đến các thú khác làm Nhân tướng. Đại Luận nói: Ngã là ấm giới nhập kể là ngã, ngã sở, hoặc tức hoặc lìa. Nhân nghĩa là trong ấm giới nhập gọi ngã là hành nhân. Chúng sanh là trong ấm giới nhập hòa hợp kể có ngã sanh. Thọ là ở trong ấm giới nhập kể một kỳ báo hoặc dài hoặc ngắn. Phụ Hành nói: Ngã là tính kể bên trong, nhân là tính kể bên ngoài, chúng sanh là lấy nối trước làm nghĩa. Thọ là lấy thú sau làm năng. Phạm phu đã chấp ngã đảo, Phật vì Nhị thừa nói pháp vô ngã, cho nên Trí Luận gọi là Danh tự ngã. Như Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Tâm mình hiện ra, thân và khí thế gian đều do tạng tâm hiện ra, sát-na tiến nối biến hoại không dừng như dòng nước chảy, như hạt giống, như sáng đèn (lửa), như gió nhanh, như mây nổi, máy động không yên như khỉ vượn ưa chỗ bất tịnh như ruồi lằng chằng biết chán như lửa dữ đối trá từ vô thủy, tập khí làm nhân trong các thú, trôi giạt mãi không dừng như trục quay kéo nước giếng. Các thứ thân sắc oai nghi (cử chỉ) tới lui ví như thầy chết nhờ chú thuật mà biết đi, cũng như người gõ (con rối) kéo dây mà cử động. Nếu hay ở đây mà biết rõ các tướng thì gọi là Người trí vô ngã. Đại Luận nói: Chỉ ở năm chúng lấy tướng kể có tướng người (nhân) mà sanh ngã tâm vì ngã tâm nên sanh ngã sở, vì tâm ngã sở sanh nên có lợi ích của ta (ngã) mà sanh tham dục cái nào trái nghịch ta thì sanh giận hờn. Kiết sử này không từ Trí sanh mà từ cưỡng hoặc (mê lầm) sanh ra, đó gọi là si. Ba độc là gốc của tất cả phiền não đều

do ngã của ta. Cho nên làm phước đức để sau này Ta sẽ được, cùng là giúp tu đạo pháp ta sẽ được giải thoát. Vì lấy tướng đó nên gọi là tướng chúng nhân ngã của ta khởi kiết sử và các hạnh lành nên gọi là Hành chúng. Hai chúng ấy là pháp niệm xứ ở trong pháp Tướng - Hành chúng tìm ngã không thể được. Vì sao thế? Vì các pháp ấy đều từ nhân duyên sanh. Đều là tác pháp (pháp tạo ra) không bền chắc, là pháp không thật ngã, Hành như thân cây chuối lột các bẹ ra bên trong không có gì chắc thật. Tướng như nhìn xa thấy có ngựa hoang, không có nước mà tướng như có nước, chỉ đánh lửa ở mắt (ảo giác) mà ngã vốn vắng lặng. Nhị thừa đã chấp bốn khổ, nên Phật ở trong vô ngã mà bày chân ngã. Cho nên kinh Niết-bàn nói tám tự tại: Một là hay hiện một thân hay nhiều thân số như vi trần; hai là trần thân đầy khắp cõi Đại Thiên; ba là đại thân (thân lớn) nhẹ bay (lắc nhẹ) đến rất xa; bốn là hiện vô lượng loài cùng ở một nước; năm là các căn đều dùng cho nhau; sáu là được tất cả pháp tướng như không pháp; bảy là nói một kệ trải qua vô lượng kiếp; tám là thân như hư không còn mất tùy nghi khôn cùng.

A-lan-na (Āraṇya), Triệu dịch là: Vô tránh hay Tịch tịnh. Kinh Tọa Thiền Tam-muội nói: Vô tránh là hộ trì chúng sanh khiến không đấu tranh nhau. Ngài La-thập chú tịch Tịnh Danh nói Vô tránh có hai: Một là dùng sức Tam-muội hộ trì chúng sanh khiến không khởi tâm đấu tranh; hai là tùy thuận pháp tánh không trái không tranh.

Đà-na-diễn-na (Dhyanā), dịch là Tịnh lự. Bà Sa Luận nói: Định này định huệ bình đẳng, các định thì thiếu kém chẳng gọi là Tịnh lự. Tịnh tức là định, lự tức là huệ.

Mạt-đà-ma, Bản Kinh Chú rằng: Mạt nghĩa là không, đừng. Đà-ma nghĩa là trung, là đừng mê đắm Trung đạo.

Tỳ-đát-ca (Vitarka), dịch là Tâm.

Tỳ-giá-la (Vicāra), dịch là Từ. Tạng Sở nói: Tâm nghĩa tìm cầu (kiến), Từ nghĩa rình xét. Tâm thô thì gọi là Tâm, Tâm tế thì gọi Từ. Luận nói: Vào Tam-ma-địa có ba thứ: 1. Có tâm có Từ tức là Sơ thiền đến Vị chí định; 2. Không Tâm chỉ có từ là Trung gian thiền, sáu trời Phạm nhờ sức định trung gian mà cảm được; 3. Không Tâm không Từ, tức là Nhị thiền cận phần cho đến trời Phi Phi Tướng. Tâm tư cũng gọi là Giác quán. Trí Luận hỏi: Có giác có quán là một pháp hay hai pháp? Đáp: Hai pháp. Thô tâm sơ niệm gọi là Giác, Tế tâm phân biệt gọi là quán. Như đánh chuông tiếng lúc đầu gọi là giác, tiếng lúc sau nhỏ gọi là quán. Hỏi: Vì sao Tỳ-đàm nói: Cõi Dục giới cho đến Sơ thiền trong một tâm giác quán tương ứng nhau, nay lại nói Tô tâm sơ niệm gọi là

giác, tế tâm phân biệt gọi là quán? Đáp: Hai pháp tuy ở một tâm nhưng hai tướng khác nhau, khi giác thì quán không rõ ràng, khi quán thì giác không rõ ràng. Ví như mặt trời mọc thì các sao đều biến mất, tất cả tâm tâm số pháp tùy lúc mà được tên cũng như thế.

Tam-bạt-la (Saubhàra), Tần gọi là phát thú hoặc chí tấu, tấu là tiến.

Đạt-thần (Daksinà), Tôn Bà-tu-mật Luận gọi Tác Đàn Thần, dịch là Tài Thí, giải rằng: Pháp Báo Thí gọi là Đạt-thần. Dẫn dắt phước địa cũng gọi là Đạt-thần. Tây Vực Ký nói: Gọi đúng là Đạt-thần-noa giả hữu (là bên hữu, hoặc gọi Đà-khí-ni, vì dùng tay hữu mà nhận vật người cho là sanh phước ấy. Triệu nói: Phàm hội người ở nơi nào không thể hẹn một lần rồi thôi, phàm đem tiền giúp người không thể một lần mà chu toàn. Ấy vì hội thông vô ngưng là Di Luân bà bất lậu. Pháp trách nmgâm giúp chẳng dễ mà khắp che.

Chu-la (Cùdà), Lập Thế Tỳ-đàm nói: Người Diêm-phù y phục trang nghiêm không giống nhau. Có người trên đầu để một búi tóc, các tóc khác đều cạo hết, gọi là Chu-la-kiết (búi tóc Chu-la). Ứng Pháp sư nói: Dịch là tiểu, tức là búi tóc nhỏ. Hoàng Minh Tập nói: Cạo tóc làm xấu hình dung, sợ lo cao khiết, từ thân cất ái ý đến Thánh phương. Bỏ ham muốn ở tâm ban đầu, quên hình hài ở quả cuối, sao quyến luyến ba cõi, há ham hố sáu Đạo ư? Tát-bà-đa nói: Cạo tóc cắt móng là lời Phật dạy. Luật nói: Nửa tháng phải cạo tóc đây là lệ thường. Niết-bàn nói: Tước ác Tỳ-kheo đầu cổ râu tóc đều dài, là tướng phá giới. Thử xem ở đời rộng nói cương mục vạn hạnh, miễn tướng kế lý, chỉ nói cương yếu bốn câu. Cho nên mười hai năm tóm tắt giáo dạy rằng: Các ác chớ làm, các thiện nên làm, tự tịnh ý mình, là giáo của Phật. Diệu Huyền giải thích rằng: Các ác tức bảy chi tội lỗi, khinh trọng quấy trái các ác như thế dạy phải phòng ngăn. Các thiện tức là ba nghiệp thiện hoặc tan hoặc tịnh trước sau phương tiện. Chỉ làm công đức đều là thanh thẳng, nên gọi là thiện. Tự tịnh ý mình là phá các tà đảo, hiểu rõ nhân quả thế gian xuất thế gian pháp môn Chánh trợ, hay trừ tâm cấu, tịnh các hà uest, có gì hơn bề rộng tuệ Phật pháp, đây đều nhiếp hết. Chỉ do quán cơ ưa thích làm thiện chẳng đồng, ứng vật tùy nghi bày Hạnh có khác. Hoặc luận căn tánh thì nêu Biệt Viên khác nhau. Vả Lại Căn Tánh Tín Pháp thì Tát-bà-đa nói: Nhân nghe mà vào ấy là Tín hạnh, nhân nghĩ mà vào ấy là Pháp hạnh. Đàm Vô Đức nói: Vị ở phương tiện tự thấy pháp ít. Bằng vào sức nghe nhiều sau cần nghe pháp mà được ngộ, thì gọi là Tín hạnh. Bằng vào sức nghe ít, tự thấy pháp nhiều, sau cần

phải tư duy mà được ngộ thì gọi là Pháp hạnh. Ngài Thiên Thai xa nói (thảo) căn nguyên, nhiều kiếp nghe học, nhiều kiếp tọa thiền, được làm Tín pháp chủng tử. Kế đó Hành tướng biệt viên, như Diệu Huyền dẫn Niết-bàn nói năm Hạnh: Một là Thánh hạnh, tức là giới định tuệ làm Nhân tự hạnh; hai là Phạm hạnh, nghĩa là Từ Bi Hỷ Xả làm nhân để hóa tha, hai thứ này là Hạnh tu nhân của Địa tiền. Thùy Dụ ký hỏi các văn hoặc nói Thánh Phạm là nhân, vì sao nay nói Phạm hạnh ở quả: Đáp: Thánh phạm hai hạnh đều thông nhân quả. Đối với Thiên hạnh lấy hai thứ làm nhân. Nay nói ở quả sao nghi?; ba là Thiên hạnh tức sơ địa trở lên, chứng Đệ nhất nghĩa thiên, là lý thiên nhiên, do Lý thành hạnh nên gọi là Thiên hạnh. Thùy Dụ Ký hỏi: Trời đã là chứng sao gọi là hạnh. Đáp: Từ thiên khởi hạnh nên gọi Thiên hạnh nên Thiên hạnh vị ở Địa trụ; bốn là Anh nhi hạnh nghĩa là hạnh tu đồng ba thừa bảy phương tiện; nam là Bình hạnh nghĩa là bày thân đồng chín đạo, hiện tướng làm ba chướng. Hai thứ này đều là từ quả khởi ứng hạnh Tịnh Danh Số nói: Hạnh Anh nhi từ Đại Từ Thiện Căn mà khởi, hạnh Bình từ Đại Bi Thiện Căn mà khởi. Tứ Giáo Nghĩa nói: Đồng sanh bên thiện gọi là hạnh Anh nhi, đồng sanh bên phiến não gọi là hạnh Bình. Song năm hạnh này nếu gặp ba Đế thì Thánh hạnh là Chân đế, Phạm hạnh, Anh nhi, Bình hạnh là Tục đế, Thiên hạnh là Trung đế. Lại y phương pháp giải thích Viên năm hạnh thì kinh nói: Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm tức Viên Thánh Hạnh Như Lai Thất tức Viên phạm hạnh Như Lai tòa tức Viên thiên hạnh. Như Lai y thì có hai thứ, Nhu Hòa tức là Viên anh nhi hạnh, nhĩ nhục tức Viên bình hạnh. Đại Kinh nói: Lại có một hạnh là Như Lai hạnh tức gọi là Đại Thừa Đại Bát Niết-bàn. Đây là trình bày cương yếu Hạnh Pháp.

